

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 13 60 /QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ tại Công văn số 155/BC-ĐHSD ngày 17 tháng 4 năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

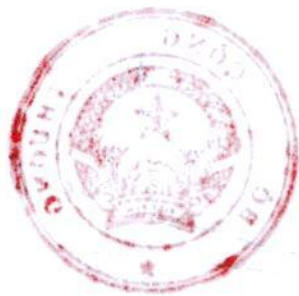
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Sinh Nhật Tân



**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2026-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ¹³⁶⁰ QĐ-BCT ngày 08 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU.....	7
I. THÔNG TIN CHUNG.....	7
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN.....	7
PHẦN THỨ HAI: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035	9
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	9
1. Tình hình quốc tế	9
2. Tình hình trong nước.....	9
3. Trường Đại học Sao Đỏ	11
3.1. Thuận lợi	11
3.2. Khó khăn	11
II. NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY	11
1. Nguồn lực	11
2. Tổ chức bộ máy	12
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	13
1. Tuyển sinh.....	13
2. Hoạt động đào tạo	14
3. Đảm bảo chất lượng.....	16
4. Phát triển giảng viên	18
5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	19
5.1. Công tác nghiên cứu khoa học.....	19
5.2. Hoạt động sáng kiến, sáng tạo khoa học và chuyển giao công nghệ.....	20
5.3. Tổ chức hội nghị, hội thảo và xuất bản tạp chí, sách giáo trình, sách chuyên khảo.....	20
5.4. Hợp tác quốc tế	21
6. Tổ chức và quản lý	21
7. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.....	23
7.1. Thực trạng cơ sở vật chất Nhà trường	23
7.2. Xây dựng cơ bản	23
7.3. Mua sắm trang thiết bị	23
8. Tài chính	24
9. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho viên chức và sinh viên.....	24
9.1. Đối với viên chức.....	24
9.2. Đối với sinh viên.....	25
IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	26

1. Đánh giá chung	26
2. Bài học kinh nghiệm	28
2.1. Tinh thần đoàn kết.....	28
2.2. Tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần vượt khó vươn lên	28
2.3. Tinh thần thi đua “Dạy tốt - Học tốt”	29
2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên	29
2.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên.....	30
PHẦN THỨ BA: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2026-2030 , TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045	31
A. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	31
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG	33
2. Sứ mạng:	33
3. Tầm nhìn đến năm 2045:	33
4. Giá trị cốt lõi:	33
C. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ TẦM NHÌN 2045	34
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030	34
1. Tình hình quốc tế	34
2. Tình hình trong nước	35
3. Cơ hội và thách thức đối với Trường Đại học Sao Đỏ	36
3.1. Cơ hội.....	36
3.2. Thách thức.....	38
II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU CHUNG	39
1. Định hướng	39
2. Mục tiêu chung	40
III. MỤC TIÊU CỤ THỂ	40
1. Chiến lược phát triển đào tạo	40
1.1. Mục tiêu	40
1.2. Chỉ tiêu	40
1.3. Giải pháp thực hiện	41
2. Chiến lược chuyển đổi số và phát triển Đại học số	42
2.1. Mục tiêu	42
2.2. Chỉ tiêu	42
2.3. Giải pháp thực hiện	43
3. Chiến lược phát triển về bảo đảm chất lượng	44
3.1. Mục tiêu	44

3.2. Chỉ tiêu	44
3.3. Giải pháp thực hiện	45
4. Chiến lược phát triển đội ngũ	45
4.1. Mục tiêu	45
4.2. Chỉ tiêu	46
4.3. Giải pháp thực hiện	46
5. Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	47
5.1. Mục tiêu	47
5.2. Chỉ tiêu	47
5.3. Giải pháp thực hiện	48
6. Chiến lược phát triển công tác tổ chức và quản lý	48
6.1. Mục tiêu	48
6.2. Chỉ tiêu	49
6.3. Giải pháp thực hiện	49
7. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất	50
7.1. Mục tiêu	50
7.2. Chỉ tiêu	50
7.3. Giải pháp thực hiện	51
8. Chiến lược về công tác tài chính	51
8.1. Mục tiêu	52
8.2. Chỉ tiêu	52
8.3. Giải pháp thực hiện	52
9. Chiến lược về người học	53
9.1. Mục tiêu	53
9.2. Chỉ tiêu	53
9.3. Giải pháp thực hiện	53
10. Chiến lược phát triển hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	54
10.1. Mục tiêu	54
10.2. Chỉ tiêu	54
10.3. Giải pháp thực hiện	54
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	55

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
AEC	Cộng đồng kinh tế các quốc gia Đông nam Á
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông nam Á
CNC	Điều khiển bằng máy tính
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
FTA	Hiệp định Thương mại tự do
GCNĐKHHĐ- SLĐTBXH	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động - Sở Lao động Thương binh và Xã hội
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GP-BTTTT	Giấy phép - Bộ Thông tin và Truyền thông
GV	Giảng viên
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
NQ/TW	Nghị quyết/Trung ương
PMT-EMS Education	Hệ thống quản lý hoạt động đào tạo
QĐ/TU	Quyết định/Thành ủy
QĐ-BCT	Quyết định - Bộ Công Thương
QĐ-KĐCLGD	Quyết định - Kiểm định chất lượng giáo dục
QĐ-KTNN	Quyết định - Kiểm toán nhà nước
QĐ-TTg	Quyết định - Thủ tướng
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
SCADA	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu
SDU	Sao Do University - Trường Đại học Sao Đỏ
SDU E-LEARNING	Cổng thông tin học tập trực tuyến
SV	Sinh viên
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

Chữ viết tắt	Diễn giải
TT-BGDĐT	Thông tư - Bộ Giáo dục Đào tạo
UBND	Ủy ban Nhân dân
USD	Đồng đô la Mỹ
VIFOTEC	Quỹ hỗ trợ Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam
CTĐT	Chương trình đào tạo
XS	Xuất sắc

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

TT	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Sinh viên nhập học và quy mô đào tạo	13
Bảng 2	Kết quả học tập, rèn luyện và tỷ lệ việc làm của sinh viên	16
Bảng 3	Số lượng sinh viên đạt danh hiệu sinh viên viên giỏi cấp Trường và cấp Quốc gia	17
Bảng 4	Thống kê trình độ giảng viên các năm	18
Bảng 5	Thống kê số lượng giảng viên được bổ nhiệm, nâng ngạch chức danh nghề nghiệp	18
Bảng 6	Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ các cấp	19
Bảng 7	Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở	20
Bảng 8	Tổng hợp nguồn thu các năm	24
Bảng 9	Tổng hợp kinh phí thực hiện chế độ chính sách với người học giai đoạn 2021-2025	25

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360/QĐ-BCT ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN THỨ NHẤT

MỞ ĐẦU

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: **Trường Đại học Sao Đỏ**
- Tên tiếng Anh: **Sao Do University (SDU)**

2. Địa chỉ liên hệ

- Địa điểm đào tạo số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm đào tạo số 2: Km 78, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 02203.882.269
- Website: <http://saodo.edu.vn>
- Fax: 02203.882.921
- Email: info@saodo.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Trường Đại học Sao Đỏ hiện tại là sự kế thừa quá trình phát triển của Trường Công nhân Cơ điện mở thành lập ngày 15/5/1969 và Trường Công nhân Cơ khí Chí Linh thành lập ngày 08/4/1975. Năm 1991, trước những yêu cầu đổi mới của đất nước, theo quy hoạch các trường dạy nghề, Bộ Năng lượng đã có Quyết định số 504NL/TCCB ngày 03/10/1991 sáp nhập 2 trường thành Trường Công nhân Cơ điện Chí Linh trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam.

Ngày 22/7/1997 Trường được đổi tên thành Trường Đào tạo nghề Cơ điện Chí Linh trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo Quyết định số 1095/QĐ-TCCB. Ngày 20/3/1999, Trường chuyển về trực thuộc Bộ Công nghiệp theo Quyết định số 47/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 13/3/2001, Trường được Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký quyết định số 13/2001/QĐ-BCN nâng cấp thành Trường Trung học Công nghiệp Cơ điện Chí Linh.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước nói chung và cho vùng đồng bằng Bắc bộ nói riêng, ngày 04/10/2004 Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 5738/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Cơ điện Chí Linh.

Theo xu thế phát triển của nền giáo dục đất nước, Trường được đưa vào quy hoạch mạng lưới phát triển các trường đại học giai đoạn 2006-2010, ngày 24/3/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 376/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Sao Đỏ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ.

Với tổng diện tích 02 địa điểm đào tạo là 25,7 ha, Nhà trường hiện có 172 phòng học lý thuyết (100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, ti vi cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho sinh viên học tập); 07 Trung tâm Thực hành - Thực nghiệm cùng các trang thiết bị tiên tiến phù hợp với từng lĩnh vực đào tạo của Nhà trường đáp ứng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thời kỳ kỷ nguyên số; 03 phòng thi trắc nghiệm; 03 phòng học ngoại ngữ sử dụng bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật; 01 Trung tâm thư viện diện tích 615 m² với trên 4389 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các Thư viện Việt Nam. Thư viện gồm: không gian truyền thông sáng tạo; không gian giao lưu học tập; không gian đọc - tra cứu; phòng dữ liệu số; phòng hội thảo; phòng học liệu. Trang thiết bị phục vụ đào tạo được trang bị theo hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam công nhận theo Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023.

Trải qua 56 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Sao Đỏ đã khẳng định vị thế của một cơ sở giáo dục phát triển theo định hướng đại học ứng dụng khi vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Tiêu biểu trong số đó là 21 Huân chương các loại, bao gồm: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất, 08 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba. Thêm vào đó, Nhà trường còn được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương tặng danh hiệu Cơ quan văn hóa, Bộ Công an tặng Cờ và Bằng khen nhờ thành tích trong phong trào thi đua bảo vệ tổ quốc, cùng các dấu ấn học thuật như Giải thưởng VIFOTEC và "Giải thưởng thực hành chất lượng xuất sắc" từ Hội chất lượng Châu Á. Đặc biệt, vào tháng 3/2015, nhân dịp kỷ niệm 5 năm Trường Đại học Sao Đỏ và 46 năm truyền thống đào tạo, Phó Thủ tướng Chính phủ đã đến dự và trực tiếp trao Huân chương Độc lập hạng Nhất cho trường, Huân chương Lao động cho 3 tập thể, 3 cá nhân, cùng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 3 tập thể khác. Tiếp nối những thành tựu này, vào đầu năm 2019, Trường tiếp tục đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ và Cờ thi đua cơ sở đảng trong sạch vững mạnh của Tỉnh ủy Hải Dương. Trong định hướng tương lai, Nhà trường tập trung ưu tiên đầu tư trọng điểm để đưa các ngành kỹ thuật truyền thống trở thành ngành mũi nhọn, đồng thời đẩy mạnh chiến lược "*sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ*" nhằm phù hợp với những tiến bộ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

PHẦN THỨ HAI
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Tình hình quốc tế

Tình hình chính trị, kinh tế toàn cầu cùng xu hướng hội nhập đang tác động sâu rộng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, đồng thời ảnh hưởng mạnh mẽ tới lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trong đó, giáo dục Việt Nam chịu tác động lớn từ các quốc gia và khu vực như Nhật Bản, Singapore, Hoa Kỳ, EU, Úc và Trung Quốc.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các nước trên thế giới, đánh dấu bước ngoặt chuyển từ kỷ nguyên kỹ thuật số sang kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số... Thế giới đã có sự chuyển biến sâu sắc theo hướng gia tăng công nghệ và AI trong giáo dục.

Giai đoạn 2020-2022, đại dịch Covid-19 diễn ra trên quy mô toàn cầu khiến hơn 1,6 tỉ học sinh, sinh viên bị gián đoạn kế hoạch học tập. Các quốc gia phải áp dụng dạy - học trực tuyến, chương trình rút ngắn, hủy/điều chỉnh kỳ thi. Cùng với đó, sinh viên và nhà tuyển dụng ngày càng quan tâm đến kết hợp giữa kiến thức học thuật với kỹ năng nghề, kỹ năng số, thích ứng nhanh với thị trường lao động biến đổi.

Xu hướng quốc tế hóa giáo dục đại học diễn ra ngày càng mạnh mẽ, mở ra cơ hội cho các nước đang phát triển tiếp cận nhanh với chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, quá trình này cũng tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt trong việc thu hút nhân tài và người học, đòi hỏi các trường phải đổi mới toàn diện cả về hình thức, nội dung và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng. Chính bối cảnh quốc tế này đã mang đến những thay đổi sâu sắc đối với giáo dục đại học và sau đại học tại Việt Nam.

Bối cảnh quốc tế trên đã tạo nên những thay đổi sâu sắc trong giáo dục, nhất là giáo dục đại học và sau đại học nước ta. Trường Đại học Sao Đỏ đã chủ động thích ứng bằng cách tận dụng tối đa công nghệ, dữ liệu và linh hoạt chuyển đổi thiết kế giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến. Song song đó, Nhà trường tích cực đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chia sẻ tài nguyên nghiên cứu, đồng thời đa dạng hóa các chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Tình hình trong nước

Đại dịch Covid-19 (2020-2022) đã tác động mạnh mẽ đến nền giáo dục Việt Nam, buộc các trường phải tạm dừng việc học trực tiếp và chuyển đổi nhanh chóng sang hình thức trực tuyến. Cùng với đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và xu hướng toàn cầu hóa đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình quốc tế hóa các chương trình giáo dục. Trong bối cảnh mới này, các cơ sở giáo

dục đại học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cũng ngày càng được quốc tế hóa với sự tham gia của nhiều tổ chức kiểm định uy tín trên thế giới. Giai đoạn này cũng đánh dấu bước tiến lớn của các trường trong việc thực hiện lộ trình tự chủ và chuyển đổi quản trị đại học.

Với dân số trẻ đang dần tiến tới cột mốc 120 triệu dân, Việt Nam sẽ tiếp tục là một thị trường lớn cho giáo dục đại học và sau đại học. Hiện nay Việt Nam có 240 cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH), trong đó có 13 đại học, 216 trường đại học và 17 học viện. Các CSGDĐH được phân bố nhiều hơn cả ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, chiếm tới gần 66%. Tây Nguyên và Trung du và miền núi phía Bắc là có ít CSGDĐH hơn cả. Tỷ lệ các CSGDĐH công lập là 72,5% và tư thục là 27,5%.

Mặt bằng học phí tương đối thấp so với khu vực: khoảng 10-50 triệu đồng/năm ở đa số ngành. Trường Công lập thường thấp hơn tư thục; chương trình quốc tế/liên kết có học phí cao hơn đáng kể. Với gần 400 chương trình liên kết với đối tác Anh, Mỹ, Úc, Pháp, Hàn... giúp người học tiếp cận chuẩn đào tạo quốc tế với chi phí thấp hơn du học toàn phần.

Đảm bảo và kiểm định chất lượng: Hiện nay các Trường gia tăng kiểm định theo chuẩn Việt Nam và khu vực/quốc tế (AUN, ABET, FIBAA, ACBSP...), nhiều trường lọt vào các bảng xếp hạng quốc tế (QS, THE) những năm gần đây.

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục được sự quan tâm của mọi người dân, đặc biệt là những thay đổi trong giáo dục; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 đang phát huy tác dụng trong đời sống xã hội; Đề án đổi mới giáo dục đại học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Giáo dục đại học đang đứng trước những thách thức to lớn là khoảng cách ngày càng xa so với nền giáo dục đại học của các nước tiên tiến.

Trong bối cảnh hiện tại giáo dục đại học Việt Nam cũng đang dần thay đổi theo xu hướng tự chủ đại học, mở rộng hợp tác quốc tế, mở rộng quy mô đi kèm yêu cầu nâng chuẩn chất lượng. Với phương châm tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện; nhấn mạnh “đột phá khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số”; nâng cao tự chủ đại học; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chiến lược đến 2030, tầm nhìn 2045. Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 về chuẩn cơ sở giáo dục đại học

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 452/QĐ-TTg, 27/02/2025 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu của quy hoạch là hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn, đào tạo chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo tại các vùng đô thị lớn của Việt Nam.

Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ cũng như những cơ hội và thách thức trong giai đoạn mới Trường Đại học Sao Đỏ đã và đang tập thực hiện có hiệu quả phương châm “*lấy sinh viên làm trung tâm, Nhà trường là nền tảng, giảng viên là động lực*”; đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong dạy học...*”. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực sinh viên, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, truyền thống cách mạng cho sinh viên.

3. Trường Đại học Sao Đỏ

3.1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ sát sao từ Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng chính quyền thành phố Hải Phòng.
- Với bề dày truyền thống trong đào tạo kỹ thuật, Nhà trường hiện có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.
- Đội ngũ cán bộ quản lý tâm huyết, giàu kinh nghiệm trong điều hành và nghiên cứu khoa học; đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học; có tinh thần đổi mới, sáng tạo và khả năng hội nhập cao. Nhiều giảng viên đủ năng lực quản lý các dự án hợp tác quốc tế; toàn thể nhân sự luôn đoàn kết, tận tụy vì sự phát triển của Trường.
- Chất lượng đào tạo của Trường được xã hội đánh giá cao, quy mô đào tạo liên tục mở rộng với chất lượng đầu vào ngày càng cải thiện.
- Nhà trường đã hoàn thành đề án chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động cốt lõi.

3.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà trường vẫn đang đối mặt với một số thách thức cần giải quyết:

- Số lượng chuyên gia đầu ngành, nhân sự có chức danh và học vị cao còn hạn chế. Việc thu hút các đối tượng này gặp khó khăn do rào cản về vị trí địa lý và chính sách đãi ngộ.
- Kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm còn khiêm tốn. Các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế chưa đa dạng, làm hạn chế khả năng hội nhập sâu rộng.
- Nguồn thu vẫn lệ thuộc phần lớn vào ngân sách và học phí, chưa đa dạng hóa được các nguồn lực đầu tư xã hội. Điều này gây áp lực trực tiếp lên lộ trình tự chủ tài chính và các chương trình phát triển dài hạn.
- Các chính sách về môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến cần tiếp tục được cải thiện để giữ chân nhân tài và giảng viên trình độ cao.

II. NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Nguồn lực

Kết thúc năm 2025, Nhà trường có 256 viên chức, người lao động (giảm 09 người so với năm 2020), trong đó, giảng viên: 200 người; viên chức, nhân viên phục vụ 56 người. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25%.

2. Tổ chức bộ máy

Thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và kế hoạch của Bộ Công Thương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế. Nhà trường đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị phòng, khoa, tinh giản đầu mối, tăng tính tự chủ từng cá nhân, đơn vị trong các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, cụ thể: đã giảm đầu mối từ 09 phòng chức năng xuống 06 phòng chức năng, từ 10 khoa đào tạo xuống 08 khoa đào tạo và 02 đơn vị tự chủ tài chính. Cụ thể:

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường như sau:

1) Ban Giám hiệu: Có 03 đồng chí, gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng (theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, Nhà trường được biên chế 03 Phó Hiệu trưởng). Năm 2024 có sự thay đổi thể hệ lãnh đạo, đồng chí Hiệu trưởng nghỉ hưu, Nhà trường được bổ nhiệm mới 01 đồng chí Hiệu trưởng và 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng.

Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục quyết định, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sao Đỏ.

2) Các phòng chức năng: Trường hiện có 06 phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, gồm: Phòng Đào tạo và Tuyển sinh; Phòng Công tác sinh viên; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Kế hoạch và Tài chính; Phòng Tổ chức và Quản trị.

3) Khoa đào tạo: Trường hiện có 08 khoa thuộc Trường có các nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo quy chế tổ chức hoạt động của Trường, gồm: Khoa Cơ khí; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Điện; Khoa Kinh tế; Khoa Ô tô; Khoa May và Thời trang; Khoa Du lịch & Ngoại ngữ; Khoa Luật và Giáo dục đại cương.

4) Trường thực hành sư phạm: Trường THPT Nguyễn Thị Duệ được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Hải Dương và Quyết định cấp phép hoạt động số 445/QĐ-SGDĐT ngày 10/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương.

5) Các tổ chức khoa học, dịch vụ và phục vụ gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Sao Đỏ (được thành lập theo Quyết định số 4539/QĐ-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương); Tạp chí Nghiên cứu khoa học (hoạt động theo Giấy phép số 1003/GP-BTTTT ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện đang thực hiện hoàn thiện hồ sơ tính điểm tạp chí cho 02 liên ngành) thuộc Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

6) Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên

- Tổ chức Đảng: Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ trực thuộc Đảng bộ phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng. Đến nay, Đảng bộ Trường có 16 chi bộ trực thuộc với tổng số 205 đảng viên. Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-

2030 có 15 đồng chí (tại Đại hội bầu 13 đồng chí, bổ sung 02 đồng chí sau khi thành lập Phân hiệu tại Hà Nội) và được Thành ủy Chí Linh chuẩn y tại Quyết định số 837-QĐ/TU ngày 30 tháng 5 năm 2025, Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí.

- Tổ chức Công đoàn: Công đoàn Trường Đại học Sao Đỏ là Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Công thương Việt Nam. Bấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 gồm có 11 đồng chí, 16 tổ công đoàn, được tổ chức theo các khối chuyên môn dưới sự lãnh đạo của 16 Chi bộ đảng với 216 công đoàn viên (không bao gồm những người làm việc theo hợp đồng ngắn hạn).

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Sao Đỏ trực thuộc Tỉnh đoàn Hải Dương (nay là Thành Đoàn Hải Phòng). Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường có 15 đồng chí. Đoàn Thanh niên Trường có 7 Liên chi đoàn và Đoàn trường THPT Nguyễn Thị Duệ trực thuộc với tổng số gần 5.500 đoàn viên, thanh niên.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Tuyển sinh

Giai đoạn 2021-2025, quy mô tuyển sinh và đào tạo của Trường tiếp tục duy trì ổn định và có xu hướng tăng, thể hiện hiệu quả của các giải pháp đổi mới công tác tuyển sinh của Nhà trường. Số lượng sinh viên nhập học có xu hướng phục hồi và tăng mạnh từ năm 2024. Quy mô đào tạo toàn Trường tăng dần theo các năm đã phản ánh hiệu quả trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo, mở ngành mới, nâng cao chất lượng công tác truyền thông,... của Nhà trường.

Thực hiện tự chủ trong công tác tuyển sinh, hàng năm Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh/Thông tin tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế theo từng năm học. Lập kế hoạch, tổ chức đồng bộ các giải pháp phục vụ công tác tuyển sinh, đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh, xây dựng các tiêu chí xét tuyển để nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học đăng ký xét tuyển và tham gia học tập tại trường.

Công tác truyền thông được Nhà trường triển khai đồng bộ, thông qua các hoạt động tư vấn tuyển sinh, văn hóa, văn nghệ, các hoạt động khoa học công nghệ... Nhà trường được người học, xã hội ghi nhận, đánh giá cao, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác tuyển sinh, kết quả tuyển sinh các năm như sau:

Bảng 1: Sinh viên nhập học và quy mô đào tạo

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số sinh viên nhập học	802	881	901	1074	1983
Quy mô	2843	2866	2762	3155	4574

2. Hoạt động đào tạo

Nhà trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo 15 ngành trình độ đại học và 01 ngành trình độ thạc sĩ. Cụ thể như sau:

- Trình độ đào tạo đại học:

- (1) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử;
- (2) Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá;
- (3) Công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- (4) Kỹ thuật cơ điện tử;
- (5) Công nghệ kỹ thuật ô tô;
- (6) Công nghệ thông tin;
- (7) Kế toán;
- (8) Quản trị kinh doanh;
- (9) Ngôn ngữ Trung Quốc;
- (10) Ngôn ngữ Anh;
- (11) Luật
- (12) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- (13) Công nghệ dệt, may;
- (14) Sư phạm công nghệ
- (15) Sư phạm Tiếng Trung Quốc

- Trình độ đào tạo thạc sĩ: 01 ngành Kỹ thuật điện tử.

- Năm 2025, Nhà trường mở thêm 06 ngành đào tạo đại học: Kinh tế số; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Thương mại điện tử; Trí tuệ nhân tạo; Toán ứng dụng; Tài chính - Ngân hàng và 01 ngành đào tạo thạc sĩ: Kỹ thuật cơ khí.

+ Về chương trình và ngành đào tạo: Nhà trường định kỳ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đảm bảo khối lượng kiến thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, 100% giáo trình và đề cương chi tiết học phần đã được cập nhật, bổ sung kiến thức thực tiễn để đáp ứng tiêu chuẩn nguồn nhân lực trong nước và quốc tế.

+ Về quy định mở ngành: Công tác mở ngành hoặc đình chỉ hoạt động các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT và danh mục thống kê ngành đào tạo tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Về chuẩn chương trình: Việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn chương trình quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

+ Về cấp văn bằng: Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã hoàn thiện việc xây dựng chương trình đào tạo cấp văn bằng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT.

+ Về đào tạo nghề: Bên cạnh khối đại học và thạc sĩ, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Sao Đỏ (hoạt động theo Luật Giáo dục nghề nghiệp) đảm nhận đào tạo trình độ sơ cấp nghề. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức huấn luyện và cấp chứng chỉ an toàn, vệ sinh lao động hạng II trở xuống.

+ Về đào tạo THPT: Trường THPT Nguyễn Thị Duệ được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương. Đây là trường công lập tự chủ tài chính trực thuộc Trường Đại học Sao Đỏ. Trường chịu sự quản lý toàn diện của Trường Đại học Sao Đỏ và sự chỉ đạo chuyên môn từ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương (nay là Hải Phòng).

Giai đoạn 2021-2025, Nhà trường áp dụng hệ thống quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) gồm các phân hệ:

- (1) Quản lý tuyển sinh (*đăng ký xét tuyển trực tuyến, thông tin nhập học*);
- (2) Quản lý quá trình đào tạo (*xếp thời khóa biểu, phân công giảng dạy, tính giờ giảng, cập nhật tính điểm cho sinh viên, quản lý sinh viên, kiểm soát lên lớp thông qua xác nhận vân tay và hệ thống camera...*);
- (3) Quản lý thi kết thúc học phần (*câu hỏi, đề thi, thi trắc nghiệm trên máy tính, tính điểm học phần, điểm tích lũy...*);
- (4) Quản lý học vụ sinh viên (*đăng ký học phần, đăng ký giảng viên, thông tin về chương trình đào tạo, thời khóa biểu, sự hiện diện trên lớp, kết quả học tập và rèn luyện, học phí và các thông tin khác*);
- (5) Quản lý học bổng;
- (6) Quản lý tốt nghiệp, quản lý văn bằng (*điều kiện xét tốt nghiệp, thông tin sinh viên xét tốt nghiệp, loại bằng, số hiệu, số quyết định, ngày cấp, ...*);
- (7) Quản lý nhân sự (*hồ sơ viên chức, tính tiền công, tiền lương, quản lý giảng viên thỉnh giảng*);
- (8) Quản lý công việc (*lich làm việc, giao nhận công việc, sổ tay giảng viên, sổ tay nhân viên, sổ tay NCKH*);
- (9) Quản lý tài chính (*sinh viên, viên chức giao dịch trực tuyến thông qua E-Mobile Banking, Internet banking...*).

- Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá thông qua các hoạt động bài tập, thí nghiệm và thực tập thực tế tại doanh nghiệp, Nhà trường đã đưa vào vận hành Công thông tin học tập trực tuyến (SDU E-LEARNING). Việc đổi mới hình thức, nội dung đào tạo và thi kết thúc học phần này không chỉ đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch mà còn đáp ứng kịp thời yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

- Công tác giới thiệu việc làm luôn được Nhà trường chú trọng nhằm kết nối hiệu quả nhu cầu của người học với yêu cầu của nhà tuyển dụng. Nhà trường đã thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược trong đào tạo và cung ứng nhân lực với nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn như: Hồng Hải (Foxconn), Samsung, Canon, Toyota, May Tinh Lợi, Regina Miracle International, LUXSHARE - ICT, Nhiệt điện Jaks Hải Dương và Tập đoàn An Phát Holdings. Đây là những đối tác tin cậy giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, thực hành, thực tập ngay trong quá trình học và mở ra cơ hội việc làm bền vững sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2: Kết quả học tập, rèn luyện và tỷ lệ việc làm của sinh viên

Năm	Tốt nghiệp (%)		Kết quả xét điều kiện học tiếp (%)		Kết quả xếp loại rèn luyện (%)		Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp
	Toàn trường	XS, Giỏi, Khá	Toàn trường	XS, Giỏi, Khá	Đạt yêu cầu trở lên	XS, Tốt, Khá	
2021	92,13	67,3	100	51,32	100	90,89	93,0%
2022	87,78	76,5	100	50,24	100	93,68	97,0%
2023	90,98	81,4	100	49,11	100	92,19	95,9%
2024	93,70	73,1	100	50,43	100	92,80	95,6%
2025	91,26	68,9	100	52,89	100	92,74	94,7%

*** Đánh giá chung:**

Kết quả đào tạo của Nhà trường đáp ứng tốt Chuẩn cơ sở giáo dục đại học với tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 90% và nhận được sự đánh giá cao từ phía doanh nghiệp. Thành công này khẳng định chương trình đào tạo của Trường luôn bám sát nhu cầu thị trường, có sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cập nhật kịp thời các xu thế xã hội. Nhờ đó, người học sau khi tốt nghiệp không chỉ vững vàng về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn có năng lực tự chủ và trách nhiệm đáp ứng tốt yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Tuy nhiên, thực tế vẫn tồn tại một số ngành học có số lượng nhập học thấp (như Việt Nam học, Quản trị du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Anh) hoặc chưa xác định chỉ tiêu xét tuyển (như Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ thực phẩm). Thực trạng này gây khó khăn trong việc bố trí nhân lực và là căn cứ quan trọng để Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030. Mục tiêu trọng tâm là đáp ứng chính xác nhu cầu người học và thị trường lao động, từ đó tối ưu hóa nguồn lực cho sinh viên, Nhà trường và toàn xã hội.

3. Đảm bảo chất lượng

Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng và điều chỉnh dựa trên mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được công bố công khai. Định kỳ, các khoa chuyên môn phối hợp cùng các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật nội dung và cấu trúc CTĐT dựa trên phản hồi từ

các bên liên quan. Quá trình này đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, đặc biệt là năng lực về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) để thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển khoa học - công nghệ.

Nhà trường kiên trì thực hiện Triết lý giáo dục thông qua các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm. Công tác đánh giá kết quả học tập được triển khai công khai, minh bạch dựa trên chuẩn đầu ra, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý đào tạo.

Bên cạnh đó, quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi thường xuyên được cập nhật. Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã nghiệm thu 802 bộ ngân hàng câu hỏi/đề thi; đảm bảo mỗi CTĐT có ít nhất 25% học phần thực hiện kiểm tra đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy tính. Song song với đó, các hội thi sinh viên giỏi cấp trường và cấp Quốc gia được tổ chức theo hình thức đánh giá năng lực thực hiện, mang lại kết quả cụ thể như sau:

Bảng 3: Số lượng sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi cấp Trường và cấp Quốc gia

Năm học	Sinh viên danh hiệu sinh viên giỏi	
	cấp Trường	cấp Quốc gia hoặc tương đương
2020-2021	60	01
2021-2022	194	03
2022-2023	198	01
2023-2024	176	04
2024-2025	270	02
Tổng số	898	11

Hằng năm, Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học về Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong giai đoạn 2021-2025, công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cấp cơ sở cũng như CTĐT đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2022: Hoàn thành kiểm định và được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho 06 CTĐT. Các ngành bao gồm: Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô (theo các Quyết định số 04, 05, 06/QĐ-KĐCLGD ngày 10/01/2022); Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh (theo các Quyết định số 162, 163, 164/QĐ-KĐCLGD ngày 10/5/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam).

- Năm 2023: Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học chu kỳ 2 theo Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 của

Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

- Năm 2024: Tiếp tục có thêm 03 ngành đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng là Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may (theo các Quyết định số 122, 123, 124/QĐ-KĐCLGD ngày 20/11/2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam).

Song song đó, Nhà trường duy trì hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 và tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ 02 lần/năm học. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được triển khai thường xuyên nhằm cải tiến liên tục chất lượng giáo dục. Mọi thủ tục hành chính được giải quyết kịp thời theo chế độ một cửa. Đặc biệt, 100% khiếu nại và yêu cầu phúc khảo của người học đều được xử lý minh bạch, công bằng và cập nhật đồng bộ trên hệ thống quản lý đào tạo.

4. Phát triển giảng viên

Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý và xét chức danh nghề nghiệp luôn được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ.

Số lượng giảng viên cơ hữu của trường như sau:

Bảng 4: Thống kê trình độ giảng viên các năm

Trình độ	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Thạc sĩ	188	188	149	146	150
Tiến sĩ	34 (15,3%)	34 (15,3%)	30 (16,8%)	35 (19,3%)	50 (25%)
Tổng số	222	222	179	181	200

Bảng 5: Thống kê số lượng giảng viên được bổ nhiệm, nâng ngạch chức danh nghề nghiệp

Chức danh nghề nghiệp	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	0	0	20	0	0
Giảng viên chính hạng II (V.07.01.02)	0	0	03	0	12
Giảng viên cao cấp hạng I (V.07.01.01)	0	0	0	0	1
Tổng số	0	0	23	0	13

Giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc cử 69 viên chức học văn bằng 2 Ngôn ngữ Anh, 12 viên chức học văn bằng 2 Luật và 16 viên chức làm nghiên cứu sinh. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đạt kết quả ấn tượng với 142 chuyên đề cho hơn 1.500 lượt cán bộ; đồng thời ghi nhận 132 giảng viên dạy giỏi cấp cơ sở. Giai đoạn này, Trường có 12 viên chức bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 01 Phó Giáo sư và 02 Nhà giáo ưu tú. Hiện tại, 100% giảng viên đạt trình độ sau đại học và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định. Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ của Nhà trường đã tăng từ 34 người năm 2021 lên 50 người năm 2025.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

5.1. Công tác nghiên cứu khoa học

Giai đoạn 2020-2025, Nhà trường tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế quản lý để khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ ngày càng phát triển.

Kết quả thực hiện đề tài các cấp như sau: Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức thực hiện, nghiệm thu đảm bảo đúng tiến độ 01 dự án khoa học và công nghệ do Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup tài trợ với tổng kinh phí 5.0 tỷ đồng và 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, Tỉnh. Các nhiệm vụ khoa học các cấp được gắn kết chặt chẽ với hoạt động chuyển đổi số và chuyển giao công nghệ ứng dụng vào đời sống và sản xuất.

Bảng 6: Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ các cấp

Năm	Đề tài cấp Bộ			Đề tài cấp Tỉnh		
	Đề xuất	Thực hiện	Kinh phí được cấp (triệu đồng)	Đề xuất	Thực hiện	Kinh phí được cấp (triệu đồng)
2021	5	1	600	3	1	325
2022	4	0	0	3	0	0
2023	4	0	0	4	0	0
2024	5	1	700	3	1	600
2025	4	1	930	3	1	615
Tổng	22	3	2.230	16	3	1.540

- Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở: Tổ chức thực hiện, nghiệm thu 317 đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở bảo đảm đúng tiến độ, nghiệm thu và áp dụng vào thực tế quá trình đào tạo, đời sống và sản xuất. Trong đó có 115 đề tài của giảng viên và 202 đề tài của sinh viên.

Bảng 7: Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở

Năm học	Số đề tài thực hiện	Đề tài của GV	Đề tài của SV	Tổng kinh phí (triệu đồng)
2020-2021	50	24	26	692,0
2021-2022	62	29	33	784,1
2022-2023	64	22	42	887,5
2023-2024	70	20	50	1.225
2024-2025	71	20	51	737,5
Tổng	317	115	202	2.191,935

Đánh giá kết quả: Trong 5 năm giai đoạn 2021-2025 Nhà trường đã thực hiện 324 đề tài, trong đó có Vingroup 02 đề tài; cấp Tỉnh, Bộ 06 đề tài, cấp cơ sở 317 đề tài với tổng số tiền 10,822 tỷ đồng. Tập trung vào các thế mạnh của Nhà trường thuộc các lĩnh vực: cơ khí, điều khiển và tự động hóa, điện tử, công nghệ thông tin... Các đề tài sau khi hoàn thành đã được chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao.

5.2. Hoạt động sáng kiến, sáng tạo khoa học và chuyển giao công nghệ

Trong 05 năm qua, Nhà trường có 06 sáng kiến cấp Bộ Công Thương và 299 sáng kiến được công nhận với số tiền thưởng trực tiếp là 196,4 triệu đồng. Các sáng kiến đã được áp dụng vào đào tạo, đời sống, sản xuất mang lại giá trị hàng chục tỷ đồng góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, kỹ thuật, kinh tế, xã hội của Nhà trường và địa phương.

Từ năm 2006, Nhà trường luôn duy trì tham gia sân chơi Robocon do Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức. Giai đoạn 2021-2025 mỗi năm Nhà trường đều có từ 4÷5 đội tham gia và có 04÷05 đội vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội vào vòng 1/8 được Ban Tổ chức trao giải thưởng “Triển vọng” năm 2024.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội thi Sáng tạo khoa học công nghệ và đã có từ 10÷15 công trình/giải pháp/năm được chuyển giao cho doanh nghiệp để ứng dụng vào thực tế sản xuất.

5.3. Tổ chức hội nghị, hội thảo và xuất bản tạp chí, sách giáo trình, sách chuyên khảo

Trung bình mỗi năm tổ chức 01÷02 hội thảo khoa học cấp trường, 10÷12 hội thảo khoa học cấp khoa. Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ, mã số P. ISSN 1859-4190 và E. ISSN 2815-553X phát hành 01 số/quý, mỗi số có 20 bài báo được công bố. Từ năm 2021, Tạp chí có 04 ngành, liên ngành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình khoa học gồm Cơ khí - Động Lực (0,25 điểm), Điện - Điện tử - Tự động hóa (0,5 điểm); Triết học - Chính trị học - Xã hội học (0,25 điểm) và Kinh tế (0,25 điểm). Tạp chí của Nhà trường được đánh giá chuyển đổi số đạt tiêu chuẩn của Cục Báo chí.

Về công bố khoa học, giảng viên Nhà trường đã công bố 708 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí và hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Trong

đó, có 69 bài báo, báo cáo khoa học công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus. Biên tập và xuất bản 12 sách chuyên khảo và sách tham khảo; 10 giáo trình phục vụ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; biên tập và phát hành 12.800 cuốn thông tin, ấn phẩm khoa học.

Về hoạt động sở hữu trí tuệ, Nhà trường có 02 sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn 2020-2025 gồm: Logo của Trường THPT Nguyễn Thị Duệ thuộc Trường Đại học Sao Đỏ và Phần mềm khảo sát nhu cầu doanh nghiệp của Trường Đại học Sao Đỏ.

5.4. Hợp tác quốc tế

Đã ký kết 24 biên bản hợp tác với các trường đại học, học viện, tập đoàn của nước ngoài; tổ chức 04 đoàn đi thăm quan và làm việc với đối tác tại Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc); tham gia dự án Smart Edu Hub của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA),... Hiện nay, nhiều giảng viên và sinh viên của Nhà trường tham gia chương trình trải nghiệm thực tế, nghiên cứu và thực tập tại Đài Loan (Trung Quốc), Trung Quốc, Nhật Bản.

6. Tổ chức và quản lý

Trong quá trình vận hành, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống văn bản quản lý của Trường cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhằm phát huy hiệu quả công tác quản lý trong quá trình tổ chức hoạt động. Hoạt động quản lý của Nhà trường công khai, minh bạch, đảm bảo tính dân chủ và dựa trên các chiến lược phát triển theo từng giai đoạn.

Về tổ chức bộ máy: Căn cứ Luật Giáo dục đại học, Nghị định 99/NĐ/CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Trường: Quyết định số 3222/QĐ-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2014; Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ Công Thương. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐT; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 15 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 91/NQ-HĐT ngày 30/6/2025 của Hội đồng trường về việc ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sao Đỏ. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Trường có một số sự thay đổi, cụ thể:

- Thành lập mới trường THPT: Trường THPT Nguyễn Thị Duệ, đơn vị tự chủ tài chính theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Hợp nhất phòng Tài chính - Kế toán với phòng Kế hoạch và Đầu tư thành phòng Kế hoạch và Tài chính theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐT ngày 27/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ và Đề án số 03/ĐA-ĐHSĐ ngày 27/5/2024.

- Giải thể 01 khoa Đào tạo: Khoa Thực phẩm và Hóa học theo Nghị quyết số 335-NQ/ĐU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Đảng ủy về sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Nghị quyết số 69/NQ-HĐT ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Đề án số 01/ĐA-ĐHSD ngày 16/01/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ năm 2025.

- Sáp nhập khoa Giáo dục chính trị và thể chất với khoa Khoa học cơ bản thành khoa Luật và Giáo dục đại cương theo Nghị quyết số 335-NQ/ĐU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Đảng ủy về sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Nghị quyết số 69/NQ-HĐT ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Đề án số 01/ĐA-ĐHSD ngày 16/01/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ năm 2025.

- Sáp nhập phòng Tổ chức - Hành chính với phòng Quản trị thành phòng Tổ chức và Quản trị; sáp nhập phòng Quản lý đào tạo với phòng Tuyển sinh thành phòng Đào tạo và Tuyển sinh theo Nghị quyết số 335-NQ/ĐU ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Đảng ủy về sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Nghị quyết số 69/NQ-HĐT ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ; Đề án số 01/ĐA-ĐHSD ngày 16/01/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Trường Đại học Sao Đỏ năm 2025.

Đến tháng 9/2025 Nhà trường có 16 đơn vị thuộc/trực thuộc Trường gồm: 08 khoa đào tạo; 06 phòng chức năng; 01 Trung tâm và 01 Trường THPT.

Thực hiện Kế hoạch số 3262/KH-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương năm 2024-2025 và Kế hoạch số 2955/KH-BCT ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc bổ sung điều chỉnh Kế hoạch tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương năm 2024-2025. Trường đã lập đề án và thực hiện các thủ tục thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sao Đỏ tại Hà Nội trên cơ sở Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội.

Về công tác nhân sự: Nhà trường đã thực hiện bổ nhiệm cho 66 lượt viên chức lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 01 viên chức đến thời điểm nghỉ hưu; tuyển dụng 09 viên chức; thực hiện chế độ hưu trí cho 07 viên chức trong đó 01 viên chức nghỉ hưu đúng tuổi, 06 viên chức viên chức nghỉ hưu trước tuổi.

Về hệ thống văn bản nội bộ: Giai đoạn 2021-2025 Nhà trường đã ban hành 101 quy chế, quy định nội bộ, đồng thời triển khai xây dựng 03 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường Đại học Sao Đỏ (Quyết định số 143/QĐ-ĐHSD ngày 12/4/2021, Quyết định số 589/QĐ-ĐHSD ngày 01/11/2024, Quyết định số 35/QĐ-ĐHSD ngày 21/01/2025); 05 Quy định phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo Nhà trường (Quyết định số 33/QĐ-ĐHSD ngày 20/01/2021; Quyết định số 73/QĐ-ĐHSD ngày 20/01/2022; Quyết định số 115/QĐ-ĐHSD ngày 13/3/2024; Quyết định số 190/QĐ-ĐHSD ngày 17/5/2024;

Quyết định số 58/QĐ-ĐHSD ngày 24/01/2025) để bổ sung, hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị thành viên.

7. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo

7.1. Thực trạng cơ sở vật chất Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ hiện có 02 cơ sở đào tạo:

- Cơ sở đào tạo số I: Số 76, Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích 48.534 m². Được giao quản lý và sử dụng từ năm 1969.

- Cơ sở đào tạo số II: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích 218.504 m². Được giao quản lý và sử dụng từ năm 2004.

Từ đầu năm 2021, thực hiện chỉ đạo của chính quyền địa phương, Nhà trường đã bàn giao Cơ sở II để thiết lập bệnh viện dã chiến và khu cách ly phòng chống dịch Covid-19. Toàn bộ thiết bị đào tạo được di dời về Cơ sở I để duy trì hoạt động. Đến tháng 8/2024, các đơn vị liên quan đã hoàn tất bàn giao lại mặt bằng cho Nhà trường.

Năm 2024, UBND tỉnh Hải Dương đã phê duyệt thành lập Trường THPT Nguyễn Thị Duệ - đơn vị trực thuộc đặt tại Cơ sở II. Song song đó, việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cơ sở I tại Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã tạo đột phá, làm nền tảng cho công tác đầu tư, cải tạo giai đoạn 2021-2025 và định hướng phát triển các dự án giai đoạn 2026-2030.

7.2. Xây dựng cơ bản

Giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã hoàn thành dự án Nhà thể thao đa năng tại Cơ sở I với tổng đầu tư hơn 13,3 tỷ đồng (trong đó vốn tự huy động chiếm 48,36%, còn lại là ngân sách Nhà nước). Dự án được triển khai chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng và đưa vào sử dụng từ tháng 4/2023, đáp ứng hiệu quả nhu cầu học tập, rèn luyện của giảng viên và sinh viên. Công trình đã hoàn tất kiểm toán và quyết toán theo đúng quy định vào năm 2024. Ngoài các dự án lớn, Nhà trường đã đầu tư 19,656 tỷ đồng để nâng cấp 11 hạng mục quan trọng như: Trung tâm thực hành kỹ thuật Cơ khí, các khu nhà học lý thuyết, hệ thống lưới điện, sân vườn và công tường rào tại cả hai cơ sở.

7.3. Mua sắm trang thiết bị

Hàng năm, Nhà trường dành từ 3-5 tỷ đồng để hiện đại hóa hạ tầng công nghệ và thiết bị dạy học. Các hạng mục đầu tư tiêu biểu bao gồm: hệ thống máy chủ, thiết bị AI, kính thực tế ảo, trang thiết bị chuyên ngành điện, cơ khí, ô tô, hệ thống camera giám sát toàn trường và phòng đào tạo từ xa. Đặc biệt năm 2024, Trường ưu tiên trang bị đầy đủ cơ sở vật chất (bàn ghế, tivi, điều hòa,...) cho Trường THPT Nguyễn Thị Duệ để phục vụ công tác tuyển sinh và đào tạo khóa đầu tiên.

Đánh giá chung: Việc quản lý tốt và đầu tư đồng bộ vào hạ tầng, thiết bị trong giai đoạn 2021-2025 đã mang lại diện mạo khang trang, hiện đại cho Nhà trường, góp phần quan trọng vào việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

8. Tài chính

Hoạt động quản lý tài chính được thực hiện trên phần mềm quản lý MISA. Hệ thống quản lý tài chính của Trường được thực hiện chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hoá và chuẩn hoá.

Nhà trường thực hiện thu học phí đúng theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Định kỳ 2 năm một lần Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tại Trường. Kết quả kiểm toán qua các năm đều được đánh giá tốt.

Tổng nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2021 - 2025 cụ thể như sau:

Bảng 8: Tổng hợp nguồn thu các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

NGUỒN	NĂM				
	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số tiền thu	47.359	65.741	66.779	83.505	95.822
Ngân sách Nhà nước cấp	12.839	21.890	13.606	21.440	30.711
Nguồn thu hợp pháp của Trường	34.521	43.851	53.173	62.065	65.111
Tỷ lệ % NSNN cấp trên tổng thu	27%	33%	20%	26%	32%

Nguồn thu của Trường tăng theo các năm với các lý do sau: Nguồn ngân sách cấp tăng so với năm trước là do năm 2022 được cấp 8,850 tỷ cho đầu tư XD Nhà thể thao đa năng; năm 2024, 2025 Nhà nước bù chênh lệch lương do tăng mức lương cơ sở. Nguồn thu hợp pháp của Trường tăng do quy mô của Trường được tăng dần theo các năm.

9. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho viên chức và sinh viên

9.1. Đối với viên chức

Giai đoạn 2021 - 2025, Nhà trường đã đảm bảo cho 100% viên chức có việc làm và thu nhập ổn định, năm 2020 thu nhập bình quân là 8,356 triệu đồng/người/tháng, đến năm 2025 thu nhập bình quân đã đạt 17,5 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức xét nâng bậc lương thường xuyên cho 247 lượt viên chức, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 34 lượt viên chức, nâng bậc lương trước thời hạn cho 61 lượt viên chức đảm bảo đúng quy định. Tổ chức cho 100% cán bộ, viên chức đi thăm quan du lịch hàng năm; thăm hỏi, tặng quà cán bộ, viên chức có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách; tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện của ngành, địa phương.

Thực hiện tốt việc khám và điều trị thường xuyên tại Phòng khám Nội tổng hợp Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho viên chức 1 lần/năm. Làm tốt công tác tổ chức phòng ngừa dịch bệnh, không để phát sinh lây lan trong trường, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

9.2. Đối với sinh viên

- Trong giai đoạn 2020-2025, bằng các biện pháp sáng tạo, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường, 100% sinh viên được hướng dẫn về chương trình đào tạo, cách tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần và được cung cấp và được phổ biến về các quy định trong hoạt động đào tạo.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... tổ chức trên 50 hoạt động tuyên truyền giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân - gia đình - xã hội, tôn trọng luật pháp... trong sinh viên.

- Nhà trường đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước để phối hợp trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo. Kết quả 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp được tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt trên 95%.

- Nhà trường đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho người học. Kết quả 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp được tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

- Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục đối với người học. Các chế độ: miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; trợ cấp xã hội; học bổng khuyến khích học tập; học bổng khuyến học, khuyến tài; bảo hiểm y tế; chính sách nội trú; chính sách đối với sinh viên thuộc diện chính sách, vùng khó khăn, người khuyết tật... được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định.

Bảng 9. Tổng hợp kinh phí thực hiện chế độ chính sách với người học giai đoạn 2021-2025.

Đơn vị tính: đồng

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng
Miễn, giảm học Phí	513,044,500	543,274,500	811,967,100	806,892,100	1,003,091,000	3.678,2692
Hỗ trợ chi phí học tập	89,400,000	96,552,000	155,556,000	169,560,000	171,288,000	682,356,000
Trợ cấp xã hội	8,920,000	6,680,000	6,960,000	3,840,000	2,600,000	29,000,000
Học bổng khuyến khích học tập	1,091,430,000	1,510,455,000	1,462,800,000	2,245,600,000	2,790,745,000	9,101,030,000
Học bổng Khuyến học khuyến tài	70,000,000	102,000,000	82,000,000	105,000,000	234,000,000	593,000,000
Hỗ trợ học phí ngành sư phạm					728,352,000	728,352,000
Hỗ trợ chi phí sinh hoạt ngành sư phạm					1,960,200,000	1,960,200,000
Tổng						16,772,207,200

Nhờ thực hiện tốt chiến lược đối với người học, người học có được môi trường học tập lành mạnh, sáng tạo... và luôn yên tâm học tập, tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của Nhà trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám hiệu, các đơn vị phòng, khoa, trường THPT, trung tâm và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, Trường Đại học Sao Đỏ đã gặt hái được nhiều kết quả đáng tự hào trên nhiều lĩnh vực công tác:

- **Về công tác đào tạo:** Mở rộng quy mô đào tạo bằng cách: đa dạng hóa các phương pháp và hình thức đào tạo, tập trung phát triển các ngành đào tạo là thế mạnh của Nhà trường, triển khai mở ngành mới phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội (*mở mới 12 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ*), tăng cường mở rộng liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, số lượng sinh viên nhập học năm sau cao hơn năm trước.

Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là những ngành đào tạo trọng tâm của Nhà trường, quan tâm đến phát triển kỹ năng nghề nghiệp của người học và tìm kiếm cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp; 100% các CTĐT được rà soát, điều chỉnh hằng năm theo quy định và được sự góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là sự tham gia tích cực từ doanh nghiệp; tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm đạt trên 98%; sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành được đào tạo đạt trên 95%. Đặc biệt Nhà trường luôn coi trọng tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng và gắn chuyên ngành và cơ hội thăng tiến của sinh viên sau khi tốt nghiệp là thước đo đánh giá của người học và xã hội về chất lượng đào tạo

Bên cạnh các kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2021-2025, còn một số lĩnh vực Nhà trường vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể:

Về chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm: Mặc dù số lượng sinh viên nhập học hằng năm đều đạt năm sau cao hơn năm trước, năm 2025 đạt 1983 sinh viên nhập học/1980 chỉ tiêu (100,15%), tuy nhiên quy mô đào tạo đến năm 2025 của Nhà trường là 4574 sinh viên trên 5.500 theo mục tiêu đặt ra, đạt tỷ lệ 83,16%. Giai đoạn tới cần có giải pháp tích cực, sáng tạo hơn để công tác tuyển sinh hiệu quả hơn.

- **Về công tác bảo đảm chất lượng:** công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường có bước phát triển rõ rệt so với giai đoạn trước, thể hiện ở việc đổi mới kiểm tra, giám sát nội bộ và chuẩn hóa đánh giá học phần, với tỷ lệ kiểm tra trắc nghiệm khách quan và đánh giá năng lực đạt trên 40%; hoàn thành kiểm định 09 chương trình đại học và kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2; mức hài lòng của các bên liên quan trung bình trên 90%, người học về dịch vụ giáo dục đạt trên 86%; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ trên 86%, sinh viên có việc làm hoặc tiếp tục học trong 12 tháng đạt trên 93%, phản ánh rõ hiệu quả đào tạo được nâng cao, gắn kết với nhu cầu xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

- **Về đầu tư cơ sở vật chất:** Thực hiện cuộc cách mạng trong đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, vừa xây dựng mới, vừa cải tạo công trình cũ. Với tinh thần nơi làm việc, học tập và nơi ở, sinh hoạt đạt yêu cầu “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”, “Mát về mùa hè, ấm về mùa đông”. Trang thiết bị phục vụ đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, tiên tiến. Cùng với đó Nhà trường cũng đã huy động được nguồn lực của xã hội để đầu tư cho cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Công tác phát triển đội ngũ: giai đoạn 2021 - 2025 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng từ 15,3% năm 2021 lên 25% năm 2025, đạt 100% chỉ tiêu đề ra, trong đó 01 giảng viên được phong học hàm Phó Giáo sư và 02 giảng viên được phong tặng Nhà giáo Ưu tú. Tỷ lệ giảng viên sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy đạt trên 40%, tương ứng đạt khoảng 133% mục tiêu. Hiện tại, đội ngũ giảng viên của Nhà trường đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 và đảm bảo duy trì các hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo của Bộ Chính trị, đội ngũ giảng viên cần được bổ sung về cả số lượng và chất lượng.

Công tác tổ chức và quản lý: Nhà trường đã hoàn thành cơ bản 100% các chỉ tiêu quan trọng về quản trị, nhân sự và giảng viên. Cụ thể: 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng; vị trí việc làm được xây dựng và triển khai áp dụng trong Nhà trường; cơ cấu tổ chức các đơn vị được tinh gọn, hiện đại, với 16 đơn vị trực thuộc (08 khoa, 06 phòng, 01 Trung tâm, 01 THPT), bộ máy vận hành hiệu quả, minh bạch; Ban hành 101 quy chế, 03 quy định chức năng - nhiệm vụ - quyền hạn, 05 quy định phân công nhiệm vụ lãnh đạo, cập nhật thường xuyên để phù hợp với từng giai đoạn phát triển; tỷ lệ giảng viên tiến sĩ đạt 25%, đội ngũ giảng viên cơ hữu ổn định, đáp ứng yêu cầu đào tạo; hoàn thiện và vận hành các phân mềm quản lý, triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo 100% viên chức, sinh viên và các khâu công việc sử dụng nền tảng chia sẻ dữ liệu.

- Về công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Nhà trường đã có bước phát triển vượt bậc trong giai đoạn 2021- 2025, thể hiện qua việc các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch, với nhiều lĩnh vực đạt mức tăng trưởng cao; nổi bật là nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ/Tỉnh đạt 140%, đề tài cấp cơ sở đạt 159%, hoạt động sáng kiến và chuyển giao công nghệ đạt 122%, số giải pháp chuyển giao đạt 120%, hoạt động sở hữu trí tuệ đạt 150%, phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên và thành tích thi sáng tạo khoa học công nghệ ở các cấp đạt trung bình 150%, công bố quốc tế đạt 138%, công tác biên soạn giáo trình, tài liệu đạt 220%, từ kết quả cho thấy hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường đã chuyển biến mạnh mẽ về chất, nâng cao hiệu quả ứng dụng, từng bước tiệm cận chuẩn mực học thuật và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển 2026 - 2030 và tiếp theo.

- **Về công tác tài chính:** Giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã hoàn thành 100% các chỉ tiêu đề ra cụ thể: Nguồn thu học phí tăng bình quân mỗi năm 20%, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên đến 80%; Nhà Trường đã thực hiện thu học phí theo đúng quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ. Nguồn thu các hoạt động dịch vụ, đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học, thu khác đạt vượt mức 15% so với chỉ tiêu đặt ra. Tổng nguồn thu giai đoạn 2021 - 2025 đã đạt từ 47 tỷ vào năm 2021 tăng lên 95,8 tỷ vào năm 2025.

- Nhà trường đã đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa Trường và doanh nghiệp. Thông qua quan hệ hợp tác, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp.

Những kết quả đạt được trong 5 năm qua với dấu ấn Nhà trường được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam đánh giá kiểm định và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục giai đoạn 2023-2028, đây là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Sao Đỏ tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2. Bài học kinh nghiệm

2.1. Tinh thần đoàn kết

Đoàn kết tạo nên sức mạnh tổng hợp từ nhiều cá nhân, đơn vị khác nhau. Trong tập thể sư phạm Nhà trường sự đoàn kết giữa các giảng viên, sinh viên, cán bộ quản lý, các khoa, phòng ban giúp tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và kiến thức. Tinh thần đoàn kết giúp giảm thiểu xung đột nội bộ, tạo môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sự hợp tác và chia sẻ.

Tinh thần đoàn kết là một trong những yếu tố quan trọng nhất để Nhà trường phát triển bền vững và hội nhập quốc tế thành công. Bằng cách xây dựng tầm nhìn chung, tôn trọng sự khác biệt, giao tiếp cởi mở, chia sẻ lợi ích và trách nhiệm, cùng với vai trò lãnh đạo gương mẫu, Tập thể lãnh đạo và toàn thể viên chức đã tạo nên một cộng đồng đoàn kết, sáng tạo và năng động, góp phần xây dựng Nhà trường phát triển.

2.2. Tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần vượt khó vươn lên

Xây dựng và phát huy tư duy sáng tạo, tinh thần dám nghĩ - dám làm - dám chịu trách nhiệm, cùng với ý chí vượt khó vươn lên là yếu tố then chốt để Nhà trường thực sự đổi mới, nâng cao chất lượng, tạo ra những thế hệ sinh viên năng động, bản lĩnh, sẵn sàng đối mặt và giải quyết những thách thức của thời đại, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Tập thể lãnh đạo Nhà trường với tinh thần bám sát thực tiễn cuộc sống, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo đã thực sự có nhiều sách lược, chiến lược hết sức sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên dám nghĩ, dám làm, đổi mới tư duy trong hoạt động đào tạo, hoạt động quản lý với phương châm “Thực học - thực hành - thực danh - thực nghiệp” và “gắn tuyển sinh với tuyển dụng, gắn đào tạo với cung ứng nguồn nhân lực”; dân thân, vượt khó

trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Những quyết sách kịp thời đó đã giữ vững sự ổn định và từng bước đưa Nhà trường phát triển.

2.3. Tinh thần thi đua “Dạy tốt - Học tốt”

Tinh thần thi đua "Dạy tốt - Học tốt" là động lực quan trọng để Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển của đất nước. Việc thực hiện hiệu quả tinh thần này đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của toàn thể đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên, cùng với sự định hướng và hỗ trợ kịp thời từ các cấp lãnh đạo.

Với sứ mệnh chính là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ đất nước, các giảng viên cần liên tục cập nhật và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, lấy người học làm trung tâm. Sự đổi mới không chỉ nằm ở lý thuyết mà còn ở cách truyền đạt, cách tương tác và cách khơi gợi hứng thú học tập cho sinh viên. Với phương châm đổi mới đồng bộ phương pháp giảng dạy theo hướng “Lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng; kiến thức mở rộng là cần thiết; kiến thức ứng dụng là quan trọng” thực hiện tốt phương châm “Học đi đôi với hành; lý thuyết gắn với thực tiễn; Nhà trường gắn liền với xã hội”, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; coi trọng việc giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên; đổi mới việc kiểm tra đánh giá theo năng lực người học.

Sinh viên không chỉ thụ động tiếp thu kiến thức mà cần được khơi dậy tinh thần học hỏi chủ động, tư duy phản biện và khả năng tự học. Sinh viên Nhà trường được khuyến khích tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học với sự hướng dẫn của giảng viên, tham gia các cuộc thi học thuật, cuộc thi giải pháp sáng tạo, các dự án khởi nghiệp để sinh viên thể hiện năng lực và ý tưởng của mình. Từ đó khơi gợi sự tích cực thi đua học tập, say mê nghiên cứu, tiến quân vào khoa học công nghệ, xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên

Giảng viên và cán bộ quản lý không chỉ là người thực hiện mà còn là người kiến tạo, định hình chất lượng, văn hóa và uy tín của Nhà trường. Họ là yếu tố quyết định thành công của các mục tiêu chiến lược, từ chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đến hợp tác quốc tế.

Chính vì vậy Nhà trường đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên có đức, có tài, tâm huyết và gắn bó với sự nghiệp đào tạo với phương châm “tôn tài, trọng trí” theo đúng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “cán bộ là cái gốc của công việc”. Tập thể lãnh đạo đã quan tâm chăm lo động viên chia sẻ cả về vật chất và tinh thần đối với giảng viên đi học nghiên cứu sinh bằng việc hỗ trợ 100% học phí, thưởng 60 triệu đối với nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành khoa học xã hội và nhân văn; 80 triệu với ngành kỹ thuật, ngoài ra hằng tháng Nhà trường hỗ trợ thu nhập bổ sung cho viên chức có trình độ tiến sĩ với mức hỗ trợ từ 2,0 đến 2,5 lần mức lương cơ sở. Ưu tiên đề nghị Bộ Công Thương thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức có trình độ tiến sĩ,... Với quan điểm và phương châm này, hiện nay Nhà trường đã có đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ “Tâm - Tầm - Trí - Đức” để xây dựng Nhà trường phát triển ổn định, lâu dài.

2.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên

Tập thể lãnh đạo Nhà trường thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên. Công đoàn đã tích cực thăm hỏi, tặng quà cho viên chức có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ tết, thăm hỏi lúc ốm đau, hiếu hỉ, khen thưởng cho con viên chức có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học; tổ chức các phong trào thi đua nhân các ngày lễ lớn của Nhà trường và đất nước; tổ chức các đoàn tham quan, học tập, trải nghiệm cho viên chức, người lao động. Thu nhập bình quân, thưởng các ngày lễ, tết của viên chức, người lao động đều tăng lên hàng năm.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, công tác chăm lo, hỗ trợ và phát triển toàn diện cho người học tại Nhà trường được triển khai đồng bộ, hiệu quả và ngày càng đi vào chiều sâu. 100% sinh viên được hướng dẫn, phổ biến đầy đủ về chương trình đào tạo, quy chế và hình thức đánh giá học phần, góp phần nâng cao ý thức học tập, tự chủ trong nghiên cứu và rèn luyện. Chế độ, chính sách đối với người học được triển khai đầy đủ, công khai, minh bạch, đúng quy định. Người học yên tâm học tập, chủ động rèn luyện, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

Những bài học kinh nghiệm trên đây được rút ra từ thực tiễn quá trình hoạt động của Nhà trường. Đây là cơ sở vững chắc để tập thể giảng viên, viên chức tiếp tục thực hiện xuất sắc sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ.

PHẦN THỨ BA

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2026-2030 , TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về thực hiện thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về thực hiện thực hiện Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn.

- Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Giáo dục đại học 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định, chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hiệu lực từ 04/3/2022) quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022 về điều kiện mở ngành đào tạo.
- Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng ngành Giáo dục mầm non; Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chế tuyển sinh.
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 16/2022/TT-BCT ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Công Thương;
- Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học;
- Thông tư số 13/2026-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2026 về quy định phân cấp thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư công, đầu tư xây dựng của Bộ Công Thương.
- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2021

của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 541/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hải Phòng lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Chu Văn An lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030;

- Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ lần thứ XI nhiệm kỳ 2025-2030.

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sao Đỏ là: ***“Toàn diện - Sáng tạo - Thích ứng”***.

2. Sứ mạng: Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số đáp ứng yêu cầu xã hội; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Phát triển Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước.

4. Giá trị cốt lõi: Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến

5. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2026 - 2030

- Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường: là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số đáp ứng yêu cầu xã hội; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức, người lao động; bổ sung cơ chế, chính sách đột phá để thu hút chuyên gia, nhà khoa học đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với quan điểm: lấy người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; Nhà trường là nền tảng, giảng viên là động lực quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo quan điểm: học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, Nhà trường gắn liền với xã hội; xây dựng nền tảng vững chắc cho người học: tri thức, nhân cách, năng lực số và trí tuệ nhân tạo, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với mọi môi trường hoàn cảnh, trong nước và quốc tế đáp ứng các yêu cầu đạt chuẩn đầu ra.

- Xây dựng đề án mở ngành học mới đáp ứng nhu cầu xã hội, chuẩn chương trình đào tạo và phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường; tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với giảng viên, người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ; thực hiện kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả quản lý theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đáp ứng các yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cung cấp cho địa phương và đất nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo hướng đánh giá đúng năng lực của người học, bảo đảm kiểm soát chuẩn đầu vào và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra. Ứng dụng chuyển đổi số để thay đổi phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả và tạo ra giá trị mới trong quản lý, hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, kết nối và phục vụ cộng đồng.

- Duy trì hoạt động bảo đảm chất lượng nội bộ (Internal Quality Assurance - IQA) theo quy định hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) của TCVN ISO 9001:2015. Thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng khi đủ điều kiện; kiểm định chất lượng 09 chương trình đào tạo (chu kỳ 2), kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (chu kỳ 3) theo tiêu chuẩn MOET hoặc tiêu chuẩn quốc tế.

C. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ TẦM NHÌN 2045

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tình hình quốc tế

Thế giới đang trong giai đoạn chuyển động mạnh mẽ với nhiều biến đổi sâu sắc cả về chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ và môi trường. Toàn cầu hóa tiếp tục phát triển nhưng đi kèm với xu hướng địa chính trị phức tạp, cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các cường quốc, cùng với sự nổi lên của nhiều thách thức toàn cầu mới. Tình trạng căng thẳng giữa các nước lớn, chính sách bảo hộ, kiểm soát xuất nhập khẩu công nghệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, ... làm cho hợp tác quốc tế khó khăn hơn.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với IoT (Internet of Thing - Internet vạn vật); AI (Trí tuệ nhân tạo); Big Data (Dữ liệu lớn); Công nghệ sinh học... đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động giáo dục, nó không chỉ hỗ trợ trong dạy & học mà còn trong quản trị, đánh giá người học, cá nhân hóa lộ trình học tập, phân tích dữ liệu. Học online, mô hình học hybrid (kết hợp trực tuyến và trực tiếp), thực tế ảo/tăng cường (VR/AR), mô hình metaverse, lớp học ảo càng được quan tâm hơn. Sinh viên, người lao động mong muốn được trang bị kỹ

năng có tính ứng dụng cao (“work-readiness”), kỹ năng số, an ninh mạng, AI, kỹ năng mềm, sáng tạo... Các chương trình cấp chứng chỉ ngắn, micro-credentials, học nghề, hợp tác doanh nghiệp, thực tập, dự án thực tế ngày càng phổ biến. Di chuyển sinh viên quốc tế, các chương trình liên kết quốc tế, bằng kép, trao đổi học thuật vẫn là xu hướng... Sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm thay đổi cơ cấu ngành nghề trong nền kinh tế của các quốc gia, từ đó yêu cầu giáo dục và đào tạo phải từng bước thay đổi cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế. Xu hướng quốc tế hóa trong giáo dục đại học không chỉ diễn ra mạnh mẽ ở các nước phát triển mà nó cũng đã làm thay đổi tư duy trong vấn đề quản trị đại học ở các nước đang phát triển.

Giáo dục đại học quốc tế giai đoạn 2026-2030 dự kiến sẽ tiếp tục chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ, toàn cầu hóa và các vấn đề xã hội toàn cầu. Mô hình hợp tác quốc tế sẽ đa dạng hơn, bao gồm liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên/giảng viên, nghiên cứu chung, và các chương trình song bằng/liên kết cấp bằng quốc tế. Sự dịch chuyển của sinh viên quốc tế có thể có những thay đổi do các yếu tố địa chính trị, kinh tế, và chính sách nhập cư của các quốc gia. Các điểm đến truyền thống có thể đối mặt với cạnh tranh từ các quốc gia mới nổi. Tính đa dạng và hòa nhập trong môi trường học thuật sẽ được chú trọng hơn.

Sinh viên và phụ huynh tìm kiếm giá trị rõ ràng từ việc học (ROI - lợi tức đầu tư): chất lượng đào tạo, khả năng việc làm sau tốt nghiệp, thương hiệu trường. Các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm định chất lượng, xếp hạng trường đại học, chuẩn AUN, các tổ chức quốc tế ngày càng quan trọng.

Bối cảnh quốc tế trên đã tạo nên những thay đổi sâu sắc trong giáo dục, nhất là giáo dục đại học và sau đại học của nước ta.

2. Tình hình trong nước

Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã khẳng định được vị thế của mình và bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm cao, năm 2024 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm đạt 7,09% tiến sát ngưỡng khởi đầu của nhóm các nước thu nhập trung bình cao.

Trước xu thế vận động của xã hội và thế giới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng mở và linh hoạt, trao quyền tự chủ cho các trường đại học, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước, nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng đào tạo: Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”; Luật số 123/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục. Luật số 124/2025/QH15 của Quốc hội Luật

Giáo dục nghề nghiệp. Luật số 125/2025/QH15 của Quốc hội Luật Giáo dục đại học.... đối với giáo dục đại học là tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu lại ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, hình thành một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế.

Các cơ sở giáo dục đại học đã và đang thực hiện có hiệu quả quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, và Nghị quyết 57; Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị khóa XIII; Luật Giáo dục sửa đổi; Luật Giáo dục đại học, với các nội dung cốt lõi: (1) Tự chủ trong quản trị tài chính, tuyển sinh, chương trình đào tạo. (2) Chuyển đổi số, đào tạo trực tuyến & mô hình đại học số. (3) chuyển từ hệ thống giáo dục còn khép kín, cứng nhắc, biệt lập sang hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông và tăng cường.

Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ cũng như những cơ hội và thách thức trong giai đoạn mới Trường Đại học Sao Đỏ đã và đang thực hiện có hiệu quả phương châm *“lấy sinh viên làm trung tâm, Nhà trường là nền tảng, giảng viên là động lực”*; đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua *“Đổi mới, sáng tạo trong dạy học...”*. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực sinh viên, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, truyền thống cách mạng cho sinh viên.

Trường Đại học Sao Đỏ trực thuộc Bộ Công Thương, đứng chân trên địa bàn phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng, là địa phương có nền kinh tế phát triển năng động. Trong khoảng 5 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Hải Phòng luôn ở mức 2 con số trong 10 năm liên tiếp, với tốc độ tăng trưởng năm 2024 đạt 11,01%, cao hơn khoảng 1,55 lần so với bình quân chung cả nước. Giai đoạn 2021 - 2024 đạt 11,53%/năm, gấp 1,63 lần giai đoạn 2011 - 2015 (7,08%/năm). Đây là sự khẳng định về tiềm năng, vị thế, vị trí địa chính trị duy nhất ở miền Bắc cũng như sự quyết tâm của thành phố Hải Phòng trong quá trình xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị năng động, hiện đại, là cửa ngõ giao thương của Việt Nam với thế giới.

3. Cơ hội và thách thức đối với Trường Đại học Sao Đỏ

3.1. Cơ hội

Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” nhấn mạnh vai trò then chốt của nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn phát triển mới, đồng thời đặt ra yêu cầu xây dựng nền giáo dục đại học hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn với khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cùng với đó, việc Quốc hội ban hành Luật Giáo dục (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025 đã tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, làm cơ sở cho việc đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, linh hoạt và gắn với nhu cầu xã hội. Trong bối cảnh đó, Nhà trường đã và đang triển khai mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong quản trị và đào tạo; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) như một công cụ hỗ trợ quan trọng trong đổi mới phương pháp giảng dạy, cá thể hóa hoạt động học tập, nâng cao hiệu quả quản lý

và bảo đảm chất lượng, qua đó hiện thực hóa các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết và các luật mới ban hành trong giai đoạn phát triển mới.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 5695/BGDĐT-GDDH, ngày 17/09/2025, gửi tới các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) nhằm triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045" theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Đề án đặt mục tiêu chuẩn bị nguồn nhân lực STEM có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu mở rộng đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, trọng tâm là đội ngũ nhân lực tài năng có khả năng tham gia sâu vào công đoạn nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia trong thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới, góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Bộ Công Thương có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao đến hệ thống các trường đại học thuộc Bộ: "Đổi mới đồng bộ chương trình và phương thức đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế hướng tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu thị trường, nắm bắt xu thế phát triển ngành nghề đào tạo mới để thay đổi theo hướng đa dạng, có tính liên kết giữa các ngành; xây dựng các mô hình liên kết đào tạo với doanh nghiệp trong các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, tuyển dụng và dự báo, xây dựng kế hoạch đào tạo lại lực lượng lao động; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ ở các trình độ đào tạo".

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025–2030 xác định mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 13–14%/năm, tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 2,4 triệu tỷ đồng và GRDP bình quân đầu người đạt 11.247 USD, qua đó cho thấy dư địa phát triển kinh tế và khả năng mở rộng thị trường là rất lớn. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại với công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 47–48% GRDP, trong đó công nghệ cao trên 60%, cùng với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,5–16,5%/năm và kim ngạch xuất khẩu đạt từ 75 tỷ USD trở lên, tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm công nghiệp và xuất khẩu của thành phố. Đồng thời, kinh tế số đóng góp trên 35% GRDP, TFP đạt 57%, cho thấy mô hình tăng trưởng đang chuyển dịch mạnh sang dựa vào đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ và nâng cao năng suất. Hạ tầng và dịch vụ phát triển mạnh với sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 380 triệu tấn, du lịch đạt 25 triệu lượt khách, cùng với khoảng 87.000 doanh nghiệp hoạt động, tạo môi trường kinh doanh năng động. Các yếu tố về lao động và an sinh xã hội như tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 62–63% góp phần bảo đảm nguồn nhân lực và ổn định xã hội. Như vậy, trong 5 năm tới, với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, có thể nhận định thành phố sẽ cần một nguồn nhân lực rất lớn, đặc biệt là lao động có trình độ đại học và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, để đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, logistics và dịch vụ hiện đại. Đây vừa

là yêu cầu tất yếu, vừa là cơ hội quan trọng đối với các cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn tới.

Đại hội Đảng bộ phường Chu Văn An lần thứ I xác định với vị trí chiến lược và sự đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng, đang trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các hoạt động kinh tế và đầu tư tại Hải Phòng. Khu vực này không chỉ kế thừa các thế mạnh kinh tế từ các phường trước đây mà còn được định hướng phát triển các ngành nghề mới, đặc biệt là thương mại và dịch vụ. Sự phát triển kinh tế mang lại nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy sự thịnh vượng của cộng đồng. Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để Nhà trường có chiến lược đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Hải Phòng và đất nước.

Về phía Nhà trường, thực hiện kế hoạch sắp xếp tinh gọn thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sao Đỏ tại Hà Nội trên cơ sở Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội (Kế hoạch số 3262/KH-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương năm 2024-2025 và Kế hoạch số 2955/KH-BCT ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc bổ sung điều chỉnh Kế hoạch tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương năm 2024-2025) sẽ mở ra cơ hội mở rộng địa điểm đào tạo, thuận lợi tiếp cận thành tựu khoa học công nghệ của các Bộ, ngành, đẩy mạnh hợp tác quốc tế... Đồng thời chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin giúp Nhà trường vượt qua giới hạn về địa lý, cung cấp các khóa học trực tuyến, học liệu số đa dạng và phương pháp giảng dạy tương tác. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên địa phương mà còn mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho mọi đối tượng. Trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nhà trường sẽ mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực phục vụ phát triển các ngành nghề, đáp ứng yêu cầu xã hội tại Phân hiệu đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Nhà trường được tự chủ thiết kế các chương trình đào tạo sát với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, tập trung vào các ngành đào tạo mang tính đặc thù, các ngành là thế mạnh, các ngành khai thác tiềm năng của địa phương. Việc liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp địa phương trong đào tạo và nghiên cứu sẽ đảm bảo đầu ra sinh viên có việc làm và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3.2. Thách thức

Thách thức về khoảng cách về chất lượng và năng lực cạnh tranh: Khả năng cạnh tranh với các trường đại học trong khu vực và quốc tế của Nhà trường còn bị giới hạn bởi cơ sở vật chất, đội ngũ và tiềm năng nghiên cứu khoa học.

Thách thức từ sự thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động: Nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số ngoài những yêu cầu về trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong... thì việc đào tạo và nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực số cho người lao động là bài toán đặt ra cho tất cả các cơ sở

giáo dục đại học trong đó có Trường Đại học Sao Đỏ. Kỹ năng mềm, ngoại ngữ, kỹ năng sống của một bộ phận sinh viên của một số ngành đào tạo còn hạn chế

Thách thức từ chuyển đổi số và sự phát triển công nghệ: Nguồn tài chính của Nhà trường có hạn trong khi yêu cầu nguồn vốn lớn để thực hiện chuyển đổi số, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm, hệ thống an ninh mạng và trang thiết bị hiện đại. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cần được đào tạo, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý, chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

Thách thức trong thực hiện tự chủ đại học: Nghị quyết 71, Luật Giáo dục sửa đổi, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học năm 2025 mở ra bước ngoặt cho giáo dục đại học Việt Nam khi trao quyền tự chủ toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học. Trường Đại học Sao Đỏ được Bộ Công Thương giao quyền tự chủ tài chính theo Quyết định số 541/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026, điều này mở ra cơ hội đồng thời cũng tạo thách thức cho Nhà trường trong việc quản trị tài chính, nhân sự, tuyển sinh theo cơ chế mới. Khó khăn trong việc đa dạng hóa nguồn thu ngoài học phí, như từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác doanh nghiệp, các hợp đồng dịch vụ. Nhà trường vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn thu học phí.

Thách thức từ hội nhập quốc tế: Trình độ ngoại ngữ của sinh viên và một bộ phận giảng viên còn là rào cản trong việc tiếp cận tài liệu, chương trình quốc tế và tham gia các hoạt động hợp tác. Khó khăn trong việc thu hút và giữ chân giảng viên giỏi, nghiên cứu viên tài năng trước sự cạnh tranh từ thị trường lao động quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU CHUNG

1. Định hướng

Với bối cảnh quốc tế và trong nước, Trường Đại học Sao Đỏ tập trung vào các định hướng chiến lược sau:

- Phát triển Nhà trường trên cơ sở sứ mạng và tầm nhìn đến năm 2045, trở thành đại học số.

- Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, mở rộng ngành đào tạo phù hợp xu hướng phát triển của xã hội; đổi mới công nghệ giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

- Đẩy mạnh kiểm định chất lượng, minh bạch thông tin, nâng cao vị thế của Trường trong hệ thống giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

- Đa dạng hóa nguồn tài chính nhằm bảo đảm nguồn lực cho các hoạt động đầu tư, phát triển Nhà trường.

- Tăng cường hỗ trợ người học: Phát triển các dịch vụ hỗ trợ người học về học tập, phúc lợi và sức khỏe tinh thần; triển khai các mô hình học tập linh hoạt phù hợp với thể hệ sinh viên mới.

- Lồng ghép các yếu tố ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) trong đào tạo và quản trị; xây dựng cơ sở vật chất xanh, thân thiện môi trường nhằm phát triển Nhà trường bền vững.

2. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển sinh, truyền thông và định hướng phát triển thương hiệu Trường để thu hút nguồn người học chất lượng cao; nâng cao chất lượng CTĐT, chất lượng nguồn học liệu phục vụ đào tạo; mở rộng địa bàn, cơ sở liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại phục vụ đào tạo nguồn nhân lực; Phát triển giáo dục đại học số trên cơ sở chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong tổ chức và hoạt động của từng đơn vị và cả hệ thống; thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm năm sau cao hơn năm trước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giảng viên, viên chức và sinh viên; giữ vững khối đoàn kết, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh toàn diện; giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Nhà trường vững mạnh toàn diện, tất cả vì mục tiêu xây dựng và phát triển Nhà trường nhanh và bền vững.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Chiến lược phát triển đào tạo

1.1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt của doanh nghiệp trong kỷ nguyên hội nhập, đồng thời phục vụ chiến lược phát triển ngành Công Thương theo hướng công nghiệp hiện đại, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế. Nhà trường đặc biệt chú trọng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa học thuật với thực tiễn sản xuất và chuyển giao khoa học công nghệ. Đồng thời, tập trung phát triển năng lực số, tư duy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ý thức phát triển bền vững cho người học. Mục tiêu trọng tâm là gia tăng tỷ lệ tuyển sinh hằng năm, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp không chỉ vững vàng về chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng mềm mà còn có đủ phẩm chất và năng lực thích ứng với sự thay đổi công nghệ trong thời kỳ chuyển đổi số.

1.2. Chỉ tiêu

a) Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm đạt từ 1.800÷2.200 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi có tỷ lệ không vượt quá 20SV/giảng viên; đến năm 2030 quy mô đạt từ 6.700÷7.500 sinh viên. Khi được thành lập Phân hiệu tại Hà Nội, tuyển sinh hằng năm tại Phân hiệu từ 250 đến 500 sinh viên, quy mô dự kiến tại Phân hiệu đến năm 2030 từ 1.800 đến 1.850 sinh viên. Tỷ lệ thôi học không cao hơn 10% và riêng đối với người học năm đầu không cao hơn 15%; tỷ lệ người học tốt nghiệp trong thời gian không chậm quá 02 năm so với kế hoạch học tập chuẩn đạt từ 60% trở lên; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp lĩnh vực đào tạo trong thời gian 12 tháng đạt từ 85% trở lên, trong đó hạng tốt nghiệp loại XS+G+K đạt từ 60% trở lên; 100% sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng số, ngoại ngữ, khởi nghiệp theo quy định.

b) Xây dựng 3÷5 chương trình chất lượng cao hoặc kỹ sư tài năng; 2÷ 4 chương trình hợp tác quốc tế; 3÷5 ngành đào tạo từ xa trình độ đại học; 02÷04

chương trình liên kết đào tạo với doanh nghiệp hoặc với cơ sở đào tạo nước ngoài; mở thêm 1÷2 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

c) 100% các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh hằng năm theo quy định, từng bước đào tạo theo đơn đặt hàng doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn thành phố.

d) Hằng năm, kết quả học tập của học sinh Trường THPT Nguyễn Thị Duệ bảo đảm 100% từ mức Đạt trở lên, trong đó mức Tốt, Khá $\geq 70\%$; thành lập bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi $\geq 30\%$ số môn thi do Sở GD&ĐT tổ chức và phần đầu có giải.

1.3. Giải pháp thực hiện

a) Nghiên cứu, đổi mới xây dựng thông tin tuyển sinh hằng năm, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm. Phương án tuyển sinh phù hợp với đối tượng học sinh.

b) Phát huy tối đa nguồn lực trong công tác tuyển sinh, tăng cường các giải pháp truyền thông, tư vấn tuyển sinh, xây dựng cơ chế chính sách trong các hoạt động tuyển sinh. Tập trung ứng dụng, khai thác hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác truyền thông hình ảnh, các hoạt động của Nhà trường.

c) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, cải thiện môi trường học tập và các dịch vụ trong Nhà trường..., quan tâm đảm bảo chất lượng đầu ra đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và xã hội, góp phần nâng cao và ổn định hiệu quả công tác tuyển sinh.

d) Rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định về đào tạo theo hướng linh hoạt, đảm bảo tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế Nhà trường và đúng quy định của Nhà nước.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và học tập; đổi mới đồng bộ phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của Nhà trường.

e) Hằng năm xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo; Phát triển chương trình đào tạo chú trọng nội dung đào tạo phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của xã hội, gắn với chuyển đổi số, công nghiệp thông minh, logistics thông minh, sản xuất xanh, năng lượng, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) ứng dụng trong công nghiệp và thương mại.

Tích hợp các học phần về công nghệ số, phân tích dữ liệu, tự động hóa, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững vào các chương trình đào tạo hiện có; phát triển các chương trình đào tạo liên ngành, xuyên ngành, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực STEM và xu thế hội nhập quốc tế. Tăng cường đào tạo kỹ năng số, kỹ năng thích ứng và năng lực đổi mới sáng tạo cho người học.

f) Đẩy mạnh đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội. Nâng cấp mô hình hợp tác với doanh nghiệp từ hỗ trợ thực tập, trải nghiệm, tuyển dụng lao động đến triển khai đồng thiết kế chương trình đào tạo, phát triển phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành - thực nghiệm, phát triển mô hình “doanh nghiệp trong trường học”, triển khai đào tạo gắn với sản

xuất thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của doanh nghiệp.

g) Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao và kỹ sư tài năng phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn CTĐT kỹ sư tài năng theo quy định.

h) Lựa chọn cơ sở giáo dục nước ngoài đủ điều kiện trong liên kết đào tạo, lựa chọn ngành liên kết đào tạo phù hợp, xây dựng đề án đào tạo liên kết, hợp tác, chuẩn bị đầy đủ đội ngũ giảng viên có trình độ ngoại ngữ, cơ sở vật chất, các trang thiết bị, hệ thống quản lý nội dung học tập đáp ứng cho đào tạo liên kết theo quy định.

k) Nhà trường phối hợp với doanh nghiệp trong khảo sát, thu thập và cập nhật định kỳ nhu cầu nhân lực và thị trường lao động nhằm phục vụ công tác tuyển sinh, xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn.

(i) Định kỳ tổ chức đánh giá toàn diện hiệu quả từng ngành đào tạo theo các tiêu chí: nhu cầu xã hội và thị trường lao động; hiệu quả tuyển sinh; năng lực đội ngũ giảng viên; điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xây dựng phương án cơ cấu lại hệ thống ngành đào tạo theo hướng:

Ưu tiên phát triển các ngành thế mạnh phát triển của Nhà trường, các ngành có nhu cầu nhân lực của xã hội cao, tuyển sinh ổn định, tỷ lệ việc làm tốt; bên cạnh đó, thực hiện tái cấu trúc đối với các ngành có hiệu quả không cao; dừng tuyển sinh hoặc thu hẹp quy mô đối với các ngành có nhu cầu thấp, khó đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo;

(j) Gắn đào tạo với việc thực hiện nhiệm vụ, đề án quốc gia. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu, đề án; triển khai thực hiện tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp công nghiệp nông thôn; thực hiện hiệu quả các chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 được cấp trên giao.

2. Chiến lược chuyển đổi số và phát triển Đại học số

2.1. Mục tiêu

- Xây dựng Trường Đại học Sao Đỏ trở thành đại học số, vận hành trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của Nhà trường.

- Đổi mới toàn diện hoạt động quản trị, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học theo hướng số hóa, thông minh, linh hoạt và cá thể hóa.

- Phát triển hệ sinh thái giáo dục số hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục đại học trong kỷ nguyên số.

2.2. Chỉ tiêu

a) 100% hoạt động điều hành và hồ sơ người học, giảng viên được số hóa, quản lý tập trung trên hệ thống dữ liệu liên thông.

b) Ít nhất 30% chương trình đào tạo áp dụng hình thức dạy học số hoặc kết hợp (blended learning); trên 50% học phần có đầy đủ học liệu số và bài giảng điện tử.

c) 100% sinh viên được cấp tài khoản học tập số, sử dụng hệ thống học tập trực tuyến và dịch vụ số của Nhà trường.

d) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các hoạt động: tuyển sinh, hỗ trợ học tập, tư vấn nghề nghiệp và quản trị.

e) 100% hệ thống thông tin được bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tuân thủ quy định về bảo mật dữ liệu và sở hữu trí tuệ.

2.3. Giải pháp thực hiện

a) Phát triển hạ tầng và nền tảng số

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị đại học tích hợp, kết nối các lĩnh vực: đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý sinh viên, tài chính, khoa học công nghệ,...

- Phát triển nền tảng dữ liệu số dùng chung, bảo đảm liên thông, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu.

b) Số hóa quản trị và hồ sơ

- Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ quản lý, hồ sơ người học, giảng viên và các quy trình nghiệp vụ.

- Triển khai văn phòng điện tử, ký số, lưu trữ điện tử, tiến tới không giấy tờ trong quản lý điều hành.

c) Phát triển học liệu số và đổi mới phương thức đào tạo

Tập trung xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi và kho học liệu mở chất lượng cao. Đẩy mạnh các mô hình đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa và học tập kết hợp (blended learning). Đồng thời, hiện đại hóa thư viện số, kết nối dữ liệu với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để chia sẻ tài nguyên nghiên cứu.

d) Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

Ứng dụng công nghệ số vào quy trình khảo thí, phát triển hệ thống thi trực tuyến và chấm thi tự động. Chuẩn hóa ngân hàng đề thi nhằm đảm bảo công tác đánh giá kết quả học tập luôn khách quan, minh bạch và phản ánh đúng năng lực người học.

đ) Ứng dụng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI)

Triển khai hệ thống phân tích dữ liệu để theo dõi tiến độ, cảnh báo sớm và cá nhân hóa lộ trình học tập cho từng sinh viên. Sử dụng AI trong tư vấn tuyển sinh, hỗ trợ học vụ và dự báo nhu cầu nhân lực để điều chỉnh quy mô đào tạo phù hợp với thị trường.

g) Bảo đảm an toàn thông tin và đạo đức số

Thiết lập hệ thống bảo mật theo tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chế quản lý và sử dụng dữ liệu chặt chẽ. Chú trọng giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên và sinh viên về an toàn thông tin, đạo đức số cũng như các quy định về sở hữu trí tuệ trong môi trường số.

h) Phát triển nguồn nhân lực số

Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, đảm bảo đủ trình độ vận hành các hệ thống công nghệ hiện đại và thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường đại học số.

3. Chiến lược phát triển về bảo đảm chất lượng

3.1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA) hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và năng lực quản trị đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ, ứng dụng công nghệ thông minh để kiểm tra giám sát các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu quản trị đại học. Đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra đã công bố theo chuẩn chương trình đào tạo để cải tiến liên tục chất lượng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và xu thế phát triển xã hội. Thực hiện kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc theo tiêu chuẩn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài (kiểm định quốc tế).

3.2. Chỉ tiêu

a) 100% thành viên Hội đồng bảo đảm chất lượng, mạng lưới cán bộ kiểm soát tài liệu được tập huấn về công tác bảo đảm chất lượng theo nội dung/chuyên đề của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống phần mềm quản trị tổng thể (ERP) của cơ sở giáo dục đại học.

b) Khai thác hiệu quả hệ thống phần mềm quản trị của Nhà trường, bao gồm: quản lý văn bản - điều hành, quản lý nhân sự, quản lý công việc, quản lý tài chính - tài sản; quản lý đào tạo - khoa học công nghệ; quản lý dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường; thực hiện chuyển đổi số các quy trình, hướng dẫn công việc; giám sát và cải tiến liên tục hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; thực hiện cơ chế công khai kết quả thực hiện chỉ tiêu chiến lược hàng năm.

c) 100% chương trình đào tạo được rà soát theo chuẩn đầu ra; rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh quy định xây dựng, quản lý ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi và tổ chức thi các học phần, trong đó mỗi chương trình đào tạo bảo đảm trên 40% các học phần được sử dụng hình thức kiểm tra đánh bằng hình thức: trắc nghiệm khách quan trên máy tính, đề án, thực hành, năng lực thực hiện.

d) 100% chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp; tỉ lệ người học tốt nghiệp trong thời gian không chậm quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn không thấp hơn 60%, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn không thấp hơn 40%.

đ) Cứ ít nhất 02÷05 cán bộ giảng viên tập huấn, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 3 theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tiêu chuẩn của tổ chức kiểm định chất lượng kiểm định quốc tế; thực hiện tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kiểm định chất lượng

giáo dục khi đủ điều kiện; thực hiện kiểm định chất lượng từ 03÷05 chương trình đào tạo chu kỳ 1; thực hiện kiểm định chất lượng 09 chương trình đào tạo chu kỳ 2, trong đó từ 02÷03 chương trình đào tạo được kiểm định quốc tế. Bảo đảm chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định quốc tế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ 20% trở lên.

f) Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng, bảo đảm đánh giá nội bộ tối thiểu 02 lần/năm học; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bảo đảm mức hài lòng đạt trên 85% về các hoạt động, dịch vụ giáo dục công của Nhà trường.

g) Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong kiểm soát công việc gắn với chuẩn hóa quy trình, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng điều hành.

3.3. Giải pháp thực hiện

a) Tiếp tục cử cán bộ giảng viên cập nhật, tập huấn, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiêu chuẩn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế.

b) Rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản nội bộ về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, kiểm tra giám sát nội bộ.

c) Duy trì, mở rộng chức năng, khai thác hiệu quả các phân hệ trên hệ thống phần mềm quản trị của Nhà trường để quản trị toàn bộ dữ liệu bảo đảm chất lượng, thực hiện số hóa, đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, kiểm soát quá trình dạy học và cải tiến liên tục các hoạt động của Nhà trường.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đo lường đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, khách quan và công bằng.

đ) Chuẩn hóa chuỗi liên kết chuẩn đầu ra, học phần, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo chuẩn chương trình; ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu khảo sát và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và thực hiện cải tiến liên tục chất lượng giáo dục.

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá nội bộ; kế hoạch tự đánh giá, báo cáo tự đánh giá (VAR), hệ thống minh chứng điện tử theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tiêu chuẩn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế.

f) Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường. Định kỳ cải tiến liên tục hệ thống bảo đảm chất lượng dựa trên phản hồi của các bên liên quan. Thực hiện công bố, công khai báo cáo đánh giá Chuẩn cơ sở giáo dục, báo cáo thường niên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chiến lược phát triển đội ngũ

4.1. Mục tiêu

- Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và vững vàng về bản lĩnh chính trị. Đảm bảo toàn thể

đội ngũ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số.

- Quan tâm đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ kế cận. Thực hiện điều động, bố trí nhân sự khoa học, phù hợp với cơ cấu tổ chức để tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Đổi mới toàn diện mục tiêu và hình thức bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao cho Nhà trường.

- Triển khai hệ thống đánh giá cán bộ xuyên suốt và liên tục dựa trên các tiêu chí cụ thể (KPIs). Gắn kết chặt chẽ kết quả cá nhân với thành tích tập thể và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị.

4.2. Chỉ tiêu

a) Đảm bảo số lượng giảng viên cơ hữu cho tất cả các ngành đào tạo theo quy định.

b) Chọn cử 10÷20 giảng viên tham gia nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Phấn đấu đến năm 2030 giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt từ 30% trở lên;

c) 100% giảng viên sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy, có 2÷5 giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo Nhân dân, học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư.

d) 100% cán bộ, viên chức và người lao động được tập huấn, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực số và các kỹ năng bổ trợ cần thiết.

d) 100% cán bộ quản lý tham gia đánh giá hằng năm đạt hoàn thành tốt trở lên.

4.3. Giải pháp thực hiện

a) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, có chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập, cơ chế lương, thưởng, phụ cấp để thu hút tri thức trẻ, chuyên gia đầu ngành, giảng viên thỉnh giảng chất lượng cao, chuyên gia doanh nghiệp và chuyên gia quốc tế. Tôn vinh giảng viên, nhà khoa học tiêu biểu để tạo sức hút.

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, kỹ năng quản trị đại học, kỹ năng ngoại ngữ, tin học đảm bảo yêu cầu công việc cho đội ngũ giảng viên, chuyên viên và nhân viên.

c) Xây dựng đề án phát triển đội ngũ trí thức, giảng viên, nhà khoa học đến năm 2030, trong đó xác định nhóm ngành ưu tiên, chỉ tiêu tiến sĩ, phó giáo sư, chuyên gia thực hành, đồng thời chọn cử giảng viên có năng lực và phẩm chất tốt, gắn bó lâu dài với Trường đi nghiên cứu sinh. Lựa chọn cơ sở đào tạo trong nước như: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Khoa học xã hội... và đào tạo ngoài nước tại Pháp, Nga, Trung Quốc,...

d) Tăng cường liên kết với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và viện nghiên cứu theo hướng chiến lược nhằm thu hút chuyên gia thực tế tham gia giảng dạy, qua đó tăng cường đào tạo giảng viên trong môi trường doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo mạnh trong và ngoài nước; lấy năng lực thực hành, đổi mới sáng tạo và hội nhập làm trọng tâm. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, tài trợ và đặt hàng đề tài để nâng cao năng lực khoa học của giảng viên. Qua đó từng bước bổ

sung, phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của nhà trường.

đ) Tổ chức các chương trình trao đổi giảng viên với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước, chương trình chuyên gia cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, tăng cường hoạt động thực tiễn của viên chức, giảng viên để phát huy tính sáng tạo của người thầy tạo ra nguồn tri thức mới.

e) Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, gắn đánh giá giảng viên với kết quả nghiên cứu, chuyển giao, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đồng thời xây dựng chính sách khuyến khích tiến sĩ phát huy năng lực nghiên cứu khoa học như: chi phí nghiên cứu, thưởng công bố khoa học. Tạo cơ hội cho giảng viên tham gia đề tài nghiên cứu cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

f) Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đổi mới công tác quản lý, minh bạch các hoạt động, tạo môi trường làm việc tốt cho giảng viên và viên chức.

g) Xây dựng bộ tiêu chí, quy trình đánh giá lãnh đạo, quản lý làm căn cứ thực hiện đánh giá cán bộ quản lý hằng năm.

5. Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

5.1. Mục tiêu

Mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó tập trung ưu tiên nghiên cứu các lĩnh vực thế mạnh như Cơ khí; Ô tô; Điện - Điện tử - Tự động hóa; Công nghệ thông tin - AI ứng dụng; công nghệ thông minh; logistics và thương mại điện tử; công nghệ phục vụ sản xuất xanh và chuyển đổi số doanh nghiệp.

Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào quá trình quản lý, đào tạo trong Nhà trường và nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp; gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ nhằm từng bước tự chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ trở thành tạp chí có uy tín.

Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm, các nhóm nghiên cứu, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; hợp tác với doanh nghiệp trong nước và quốc tế để gắn kết Doanh nghiệp - Nhà trường - Nhà khoa học cùng đồng hành nhằm chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, tăng doanh thu từ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5.2. Chỉ tiêu

a) Thực hiện 250÷300 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó tỷ lệ nhiệm vụ của sinh viên $\geq 50\%$; ưu tiên thực hiện nhiệm vụ KHCN gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nâng cao chất lượng cuộc sống, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; gắn kết chặt chẽ quá trình NCKH với chuyển giao công nghệ.

b) Tạp chí nghiên cứu khoa học có từ 02÷04 lĩnh vực được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính ≥ 0.5 điểm. Hằng năm, tạp chí được đánh giá đạt tiêu chuẩn về chuyển đổi số theo quy định, các bài báo lĩnh vực tính điểm của tạp chí được đăng ký quản lý bằng chỉ số DOI.

c) Hằng năm, công bố từ 140÷160 bài báo, báo cáo khoa học; trong đó tỷ lệ bài báo công bố thuộc danh mục ISI và Scopus chiếm khoảng 10÷20%. Số lượng công bố khoa học hằng năm bình quân từ 0.8÷1.5 công trình/giảng viên/năm. Xuất bản 10÷15 sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình phục vụ quá trình học tập và nghiên cứu; phát hành 10.000÷15.000 ấn phẩm khoa học.

d) Tổ chức 04÷06 hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế; mỗi năm tổ chức 10÷12 hội thảo và 15÷25 seminar, ký kết 05÷10 biên bản/thỏa thuận hợp tác với đối tác.

đ) Tổ chức Hội thi Sáng tạo khoa học công nghệ cấp trường 01 lần/năm; có 05÷10 công trình đoạt giải KH-CN Việt Nam (Vifotec) và Giải thưởng Sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh/thành phố; 250÷300 sáng kiến được công nhận; 05÷10 đội tuyển Robot và UAV lọt vào Vòng chung kết toàn quốc.

e) Chuyển giao 30÷50 công trình/giải pháp cho đối tác; có 01÷02 sản phẩm được chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ.

5.3. Giải pháp thực hiện

a) Xây dựng, hoàn thiện quy định, quy chế và đổi mới cơ chế quản lý nhằm khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia góp phần thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn trường.

b) Tổ chức tư vấn, tuyển chọn, thực hiện, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đảm bảo chất lượng và tiến độ. Trong đó ưu tiên thực hiện đề tài gắn với hoạt động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nhằm thương mại hoá kết quả nghiên cứu.

c) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để tìm kiếm, thực hiện/phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

d) Tư vấn, hỗ trợ viên chức đăng ký sáng kiến cấp cơ sở và trên cơ sở; tổ chức thẩm định, xét chọn, công nhận sáng kiến và mức thưởng cho tác giả/nhóm tác giả trên cơ sở giá trị làm lợi của sáng kiến.

e) Tổ chức Hội thi Sáng tạo khoa học công nghệ hằng năm, tuyển chọn các công trình/giải pháp/sản phẩm tham gia hội thi sáng tạo khoa học công nghệ cấp quốc gia và thành phố; tư vấn, hỗ trợ sinh viên thiết kế, chế tạo Robot và UAV tham gia cuộc thi Robocon và UAV toàn quốc.

g) Tổ chức tư vấn, thẩm định, tuyển chọn và gửi hồ sơ đăng ký đề nghị cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, kiểu dáng,... cho công trình/giải pháp/sản phẩm nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

h) Tổ chức các đoàn thăm quan, học tập tại nước ngoài; phối hợp tuyển chọn giảng viên và sinh viên có năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực ngoại ngữ tham gia chương trình trao đổi nghiên cứu và học tập tại các trường, viện nghiên cứu ngoài nước.

6. Chiến lược phát triển công tác tổ chức và quản lý

6.1. Mục tiêu

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tiếp cận quản trị đại học hiện đại bảo đảm phù hợp với yêu cầu tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình,

chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy, chuẩn các chức danh cán bộ quản lý bảo đảm theo yêu cầu phát triển của Nhà trường.

- Xây dựng mô hình tổ chức của Nhà trường theo hướng phân định rõ ràng giữa quản trị chiến lược, điều hành và thực thi chuyên môn, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phát huy tính tự chủ và trách nhiệm của các đơn vị.

- Xác định chuyển đổi số là trụ cột trong quản trị, từng bước xây dựng mô hình đại học số với hệ thống quản lý hiện đại, đồng bộ và minh bạch; đồng thời phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản trị đại học tiên tiến, tự chủ và hội nhập quốc tế.

- Thành lập Phân hiệu, địa điểm đào tạo tại khu vực thành phố lớn.

6.2. Chỉ tiêu

a) Kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý giai đoạn 2026-2030 và chuẩn bị nguồn tiếp cận cho nhiệm kỳ tiếp theo. Đảm bảo 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị đại học.

b) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và chuẩn hóa chức danh quản lý. Đảm bảo 100% các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo; bộ máy vận hành tinh gọn và hiệu quả.

c) Xây dựng và triển khai mô hình quản trị theo hướng tự chủ, có cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng.

d) Triển khai hệ thống quản trị dựa trên nền tảng số; 100% quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa và thực hiện trên môi trường điện tử.

đ) Thành lập Phân Hiệu Trường Đại học Sao Đỏ tại Hà Nội trên cơ sở Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

6.3. Giải pháp thực hiện

a) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Tập trung kiện toàn đội ngũ lãnh đạo các đơn vị và xây dựng quy hoạch cán bộ bài bản, khoa học.

b) Thiết lập cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng cho các khoa, phòng, trung tâm trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, tài chính, hợp tác, gắn với cơ chế kiểm soát nội bộ và trách nhiệm giải trình; từng bước thực hiện tự chủ nội bộ theo đơn vị để nâng cao tính chủ động và hiệu quả hoạt động.

b) Chuẩn hóa năng lực các vị trí chức danh theo hướng hội nhập, chuyên nghiệp, làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm. Đổi mới công tác tuyển chọn, đánh giá, đào tạo và sử dụng cán bộ quản lý gắn với năng lực, hiệu quả công việc. Học tập kinh nghiệm quản trị đại học tiên tiến, nâng cao năng lực đội ngũ thông qua các chương trình hợp tác, trao đổi.

c) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá (KPIs) đồng bộ từ cấp Trường đến đơn vị và cá nhân, làm căn cứ cho phân bổ nguồn lực, làm cơ sở cho chính sách trả lương, thưởng, đánh giá thi đua, khen thưởng và công tác cán bộ. Tăng tính chuyên nghiệp và văn hóa phục vụ của đội ngũ viên chức hành chính.

d) Xác định số lượng vị trí việc làm, bản mô tả công việc làm cơ sở xác định số lượng người làm việc tại các đơn vị; thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, điều động, luân chuyển, quản lý viên chức theo lộ trình tự chủ đại học.

đ) Tổ chức công việc các đơn vị khoa học, không chồng chéo để phát huy tính sáng tạo, chủ động, dám nghĩ, dám làm của đội ngũ viên chức. Thực hiện đúng phương châm “5 rõ”: Rõ người - Rõ việc - Rõ thời gian - Rõ kết quả và Rõ trách nhiệm. Phát hiện điều chỉnh kịp thời các hoạt động yếu kém trong Nhà trường.

e) Soạn thảo mới, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Nhà trường nhằm tạo thế và lực cho viên chức, đơn vị, Nhà trường thích ứng với mọi hoàn cảnh thuận lợi cũng như khó khăn ở bên trong và bên ngoài.

f) Xây dựng và thực hiện lộ trình tái cấu trúc hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và hợp lý trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo quá trình này được tiến hành với ý chí và nguyện vọng thống nhất của tập thể viên chức Nhà trường.

g) Xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung, liên thông; triển khai hồ sơ điện tử, số hóa quy trình quản lý và điều hành; hệ thống quản trị thông minh trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý tổng thể đi đôi với tối ưu hóa, đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Thực hiện phân cấp quản lý nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động của toàn hệ thống.

h) Tăng cường giám sát, đánh giá mọi mặt hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo sự minh bạch, liêm chính và hiệu quả. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

7. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

7.1. Mục tiêu

Xây dựng cơ sở vật chất Nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại, đảm bảo môi trường đào tạo, làm việc và sinh hoạt sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh. Xây dựng các kế hoạch đầu tư trung hạn, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các phòng học, các trung tâm thực hành, thực nghiệm với trang thiết bị tiên tiến hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số; cải tạo, sửa chữa nâng cấp và mua sắm cơ sở vật chất hàng năm hướng tới mục tiêu đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

7.2. Chỉ tiêu

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao chất lượng đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chính sau:

- a) Xây dựng Ký túc xá 9 tầng tại cơ sở I.
- b) Hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cơ sở I.
- c) Đầu tư, sửa chữa, hoàn thiện công trình từ 25 ÷ 40 tỷ đồng.
- d) Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiên tiến phục vụ đào tạo mỗi năm đầu tư từ 3÷5 tỷ đồng để mua sắm máy móc, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại.

e) Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống quản trị đại học số đồng bộ, hiện đại, phục vụ chuyển đổi số toàn diện từ 20÷25 tỷ đồng.

f) Xây dựng dự án trung hạn giai đoạn 2031-2035. Tập trung vào hạng mục công trình: Trung tâm Thư viện và nghiên cứu khoa học theo Quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở I đã được Sở Xây dựng Hải Dương chấp thuận, UBND thành phố Chí Linh phê duyệt, đảm bảo về quy mô xây dựng, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất. Căn cứ vào tình hình tài chính nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tự huy động của Trường, sẽ lựa chọn thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình đảm bảo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm vốn đầu tư.

g) Tiếp tục đầu tư đảm bảo 100% phòng học lý thuyết, các trung tâm thực hành, thực nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định nhằm phục vụ tốt quá trình công tác, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số của viên chức, giảng viên, sinh viên.

7.3. Giải pháp thực hiện

a) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật hiện có và đầu tư mới theo hướng đồng bộ, hiện đại trên cơ sở kết hợp nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tự chủ của Nhà trường và đẩy mạnh cơ chế liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ưu tiên cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo điều kiện học tập, nghiên cứu cho người học tốt hơn, thu hút người học, tăng nguồn thu cho Nhà trường.

b) Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng tập trung cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm và trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí nguồn lực; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và khai thác cơ sở vật chất.

c) Rà soát, nâng cấp, bổ sung và thay thế các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và trang thiết bị đã lạc hậu nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo thực hành, thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của doanh nghiệp và xã hội.

d) Đầu tư xây dựng mới và trang bị các phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành, thực nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên.

đ) Tiếp tục đầu tư xây dựng, mở rộng các khu thực hành, thực nghiệm và không gian học tập sáng tạo cho sinh viên tại cơ sở II; đồng thời cải tạo cảnh quan, môi trường học tập theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh và thân thiện.

e) Đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và hệ thống quản trị đại học số đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, kiểm định chất lượng và cung cấp dịch vụ cho người học.

g) Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa, nguồn vốn hợp tác doanh nghiệp, tài trợ và các chương trình, dự án trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển bền vững của Nhà trường.

h) Thu hút nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn tự chủ từ học phí của Nhà trường, nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác; xây dựng lộ trình ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực tài chính, bảo đảm hiệu quả đầu tư, tránh dàn trải và đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của Nhà trường.

8. Chiến lược về công tác tài chính

8.1. Mục tiêu

Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo định hướng tự chủ toàn diện, đảm bảo khả năng cân đối thu - chi vững chắc nhằm tạo động lực phát triển bền vững cho Nhà trường. Chủ động mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính. Ưu tiên nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển chất lượng đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thực hiện chuyển đổi số, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao phúc lợi cho viên chức cùng sinh viên. Phần đầu đến năm 2030, Nhà trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để trở thành đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị tự chủ Nhóm 1).

8.2. Chỉ tiêu

- a) Tốc độ tăng trưởng nguồn thu bình quân đạt từ 5% đến 10%/năm, bảo đảm nguồn lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu chi thường xuyên.
- b) Gia tăng tỷ trọng các nguồn thu ngoài học phí (dịch vụ, đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học và các khoản thu hợp pháp khác) để đạt mức đóng góp từ 10% đến 15% tổng nguồn thu tài chính hàng năm.
- c) Hoàn thiện 100% việc số hóa dữ liệu tài chính, thực hiện báo cáo và công khai tài chính kịp thời, chính xác theo quy định pháp luật.
- d) Thiết lập tỷ lệ cơ cấu chi hợp lý để đảm bảo có thặng dư để trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định.

8.3. Giải pháp thực hiện

- a) Xây dựng và quyết liệt triển khai các đề án đổi mới cơ chế hoạt động. Trong đó, cơ chế tự chủ tài chính được vận hành tuân thủ chặt chẽ theo quy định.
- b) Ban hành các cơ chế, chính sách nội bộ nhằm khuyến khích gia tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đào tạo ngắn hạn, dịch vụ và tư vấn kỹ thuật; đồng thời phát huy năng lực tự chủ của các trung tâm, đơn vị trực thuộc. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tổ chức và địa phương trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, đặt hàng đào tạo, tài trợ trang thiết bị, học bổng và triển khai các mô hình hợp tác công - tư nhằm thu hút nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa nguồn thu, giảm dần sự phụ thuộc vào học phí và nâng cao tính bền vững trong cơ chế tự chủ của Nhà trường.
- c) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhằm nâng cao tính tự chủ và gắn với trách nhiệm giải trình của các đơn vị thuộc và trực thuộc. Thực hiện đánh giá, khảo sát nhu cầu chi quản lý hành chính để làm cơ sở áp dụng triệt để cơ chế khoán chi, tối ưu hóa và tiết kiệm tối đa chi phí vận hành.

d) Hoàn thiện và thực thi đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định nhằm khai thác tối đa công năng, hiệu suất của cơ sở vật chất tại 2 cơ sở đào tạo để tăng nguồn thu;

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các biện pháp giám sát thiết thực. Điều hành linh hoạt, duy trì sự cân đối trong cơ cấu chi (con người, chuyên môn, cơ sở vật chất và chi khác) nhằm từng bước cải thiện đời sống viên chức, người học lao động và học sinh, sinh viên;

e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát tài chính định kỳ để đảm bảo mọi khoản chi đều đúng mục đích, hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

9. Chiến lược về người học

9.1. Mục tiêu

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ và năng lực số; có sức khỏe; tốt nghiệp có việc làm ổn định, thu nhập phù hợp với năng lực công tác; có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; sống có chí hướng, lý tưởng, có ý chí khát vọng, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

9.2. Chỉ tiêu

a) 100% sinh viên được tư vấn, hướng dẫn về chương trình đào tạo, cách tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần và được cung cấp và được phổ biến về các quy định trong hoạt động đào tạo.

b) 100% sinh viên thuộc diện chính sách được tư vấn, hỗ trợ và giải quyết các chế độ chính sách theo quy định; 100% sinh viên được khám sức khỏe khi nhập trường và được chăm sóc y tế trong quá trình học tập; được sử dụng cơ sở vật chất hiện có cho các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ.

c) Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... tổ chức từ 08 ÷ 10 hoạt động/năm để tuyên truyền giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp trong sinh viên.

d) 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp phải tham gia ít nhất 02 ÷ 04 đợt hoạt động phục vụ cộng đồng.

đ) 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp được tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có việc làm trên 95% sau 1 năm tốt nghiệp.

e) 100% sinh viên hiểu rõ ít nhất từ 02 ÷ 03 quy trình vận hành các thủ tục hành chính liên quan giải quyết công việc của cá nhân và quy trình vận hành của 01 doanh nghiệp sinh viên tham gia thực tập, trải nghiệm.

9.3. Giải pháp thực hiện

a) Trong “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa” thực hiện phổ biến cho sinh viên về chương trình đào tạo toàn khóa, từng kỳ; hướng dẫn về cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá; các nội quy, quy chế, quy định về công tác sinh viên.

b) Chuyển đổi số trong việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học. Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên: xét cấp học bổng khuyến khích học tập; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập.

c) Hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên.
 d) Tổ chức hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia, tạo môi trường rèn luyện và đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

đ) Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... hằng năm lập kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nội quy của Nhà trường thông qua hoạt động sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn, hoạt động tập thể.

e) Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giáo dục sinh viên: cập nhật sổ tay sinh viên điện tử lên website của Nhà trường; cấp tài khoản để vào cổng thông tin học vụ.

g) Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc phù hợp với ngành nghề đào tạo.

h) Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên kiểm tra, các khoa đánh giá năng lực số qua việc kiểm tra hiểu biết của sinh viên khi tham gia các quan hệ pháp luật hành chính và quy trình vận hành của doanh nghiệp.

10. Chiến lược phát triển hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

10.1. Mục tiêu

Đa dạng hóa hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, nhằm lan tỏa các giá trị cốt lõi của Nhà trường đến với xã hội. Thông qua các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng làm sâu sắc thêm mối quan hệ gắn kết giữa Nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương.

Đảm bảo sự tham gia của các cấp quản lý, viên chức, sinh viên, đơn vị chuyên môn trong toàn Trường và thực hiện theo đúng tiến độ, đi vào chiều sâu đạt được hiệu quả thiết thực.

10.2 Chỉ tiêu

a) 100% viên chức và sinh viên được tư vấn tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

b) Mỗi năm tổ chức từ 10÷15 hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho viên chức và sinh viên Nhà trường.

c) Mỗi năm có từ 300÷500 lượt viên chức và sinh viên tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

d) Định kỳ 01 lần/năm thực hiện khảo sát, báo cáo đối sánh sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên và các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

10.3 Giải pháp thực hiện

a) Hằng năm xây dựng kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường.

b) Tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong viên chức và sinh viên thông qua sinh hoạt cơ quan, sinh hoạt lớp.

c) Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng xu thế, nhu cầu của xã hội và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

d) Triển khai hoạt động liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và theo Đề án của Bộ Công Thương.

đ) Xây dựng và triển khai công tác Đoàn, Hội và phong trào thanh niên trong trường học. Các phong trào của Đoàn, Hội phải xuất phát từ thực tế và xu hướng phát triển của đoàn viên thanh niên.

e) Sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên và các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng phải được xác lập cụ thể, khảo sát và đối sách để cải tiến qua các năm.

g) Đoàn Thanh niên, phòng Công tác sinh viên, các khoa kiểm tra, đánh giá, xác nhận việc tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng của sinh viên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học, năm kế hoạch của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

2. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động trên cơ sở các mục tiêu, chiến lược phát triển Nhà trường.

3. Hàng năm, tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược tại Hội nghị viên chức và Hội nghị tổng kết năm học, trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của từng lĩnh vực năm tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

4. Tổ chức đánh giá toàn diện chiến lược phát triển Nhà trường trong năm 2030, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên